

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2341/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia  
phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi  
giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025  
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ  
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế -  
xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai  
đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính  
phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc  
gia;*

*Căn cứ Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính  
phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát  
triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm  
2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ  
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách  
trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình  
mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ  
tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện  
03 chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1084/QĐ-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp  
từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện*

*Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;*

*Căn cứ Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;*

*Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;*

*Căn cứ Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 cho Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;*

*Xét đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tại Tờ trình số 17/TTr-BDT ngày 12 tháng 8 năm 2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc

thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Dân tộc; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Khánh Hòa;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TL, TLe.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tân Tuân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

**Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia  
phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi  
giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025  
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

Tiếp tục nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, đảm bảo an sinh xã hội, phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; từng bước chuyển đổi cơ cấu kinh tế hợp lý, tổ chức các hình thức sản xuất phù hợp, góp phần giảm nghèo bền vững. Củng cố hệ thống chính trị cơ sở, giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc, đảm bảo ổn định an ninh, quốc phòng; gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, đảm bảo hoàn thành mục tiêu của Chương trình theo Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND ngày 11/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

#### **2. Yêu cầu**

a) Xác định rõ trách nhiệm của cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp, các ngành trong việc thực hiện chương trình; nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức cho đồng bào dân tộc thiểu số về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, gắn kết với việc tập huấn kỹ thuật, nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới tiêu biểu, từ đó hình thành ý thức tự lực, tự cường vươn lên trong cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số. Nhà nước đóng vai trò định hướng, ban hành các chính sách, cơ chế hỗ trợ; các hoạt động cụ thể do cộng đồng thôn, xã, người dân bàn bạc dân chủ, quyết định và tổ chức thực hiện.

b) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách hỗ trợ hướng tới mục tiêu giải quyết, tạo việc làm cho lao động vùng dân tộc và miền núi; chuyển đổi từ hình thức nhà nước cho không sang hình thức hỗ trợ đầu tư cho phát triển kinh tế, huy động sự đóng góp của nhân dân; không làm thay, áp đặt nhằm nâng cao

tính chủ động sáng tạo của người dân, gắn sản xuất hàng hóa với tiêu thụ sản phẩm.

c) Các cấp, các ngành, các địa phương lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thường xuyên kiểm tra, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện trên địa bàn.

## **II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đổi mới, sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững; thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi so với bình quân chung của tỉnh, cả nước; giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn; quy hoạch, sắp xếp bố trí ổn định dân cư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ liên vùng; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống Nhân dân; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

### **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025**

- Phần đầu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng hơn 2 lần so với năm 2020 (trên 28 triệu đồng/người/năm);

- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm 4 - 5%;

- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 100% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa;

- 70% số trường học có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia;

- 100% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp;

- 35% số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới;

- Giảm 50% số xã, thôn đặc biệt khó khăn;

- 100% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; được xem truyền hình và nghe đài phát thanh;

- 60% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú ở các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở được quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí ở những nơi cần thiết. Giải quyết trên 90% tình trạng thiếu nhà ở, đất ở, đất sản xuất cho đồng bào;

- Tỷ lệ huy động trẻ dân tộc thiểu số ra lớp trong độ tuổi nhà trẻ 15%; tỷ lệ mẫu giáo dưới 5 tuổi đến trường 82%; tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 99,5%; học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 99,95%, học trung học cơ sở trên 98%, học trung học phổ thông và trung cấp nghề trên 70%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 98%;

- Phần đầu 100% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế; trên 80% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ; trên 95% phụ nữ sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 15%;

- 70% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số và đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 100% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng;

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc thiểu số tại chỗ, số lượng bảo đảm phù hợp với tỷ lệ dân số người dân tộc thiểu số ở từng địa phương theo Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới;

- Phần đầu 100% cán bộ, công chức, viên chức vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được bồi dưỡng kiến thức dân tộc, tiếng dân tộc thiểu số theo quy định;

- 100% người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh.

### **III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG**

#### **1. Phạm vi**

Địa bàn các xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; trong đó tập trung ưu tiên đầu tư cho địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn.

## **2. Đối tượng**

- Xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây viết tắt là DTTS&MN);

- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số;

- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn (sau đây viết tắt là ĐBK);

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn vùng ĐBK.

## **IV. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

**1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**

a) Đối tượng và nội dung thực hiện:

Theo quy định tại Chương II Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2022/TT-UBND).

b) Nhu cầu giai đoạn 2021 - 2025:

- Hỗ trợ đất ở: 9 hộ;

- Hỗ trợ nhà ở: 367 hộ;

- Hỗ trợ đất sản xuất, chuyên đổi nghề: 144 hộ;

- Hỗ trợ nước sinh hoạt:

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: 511 hộ

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: Đầu tư nâng cấp 4 công trình cấp nước tập trung.

Hộ gia đình thuộc đối tượng theo quy định của Dự án 1 có nhu cầu vay vốn được vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội để có đất ở, xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở, tạo quỹ đất sản xuất, học nghề và chuyên đổi nghề.

c) Phân công thực hiện

Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện.

## **2. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**

a) Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

- Đối tượng:

+ Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã khu vực II và III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, có thực hiện một trong các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng sau: Bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên; trồng rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trên đất quy hoạch phát triển rừng được Nhà nước giao đất; nhận khoán bảo vệ rừng.

+ Cộng đồng dân cư thôn tại các xã khu vực II và III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được giao rừng theo quy định của pháp luật đang thực hiện bảo vệ rừng được giao hoặc rừng nhận khoán.

- Nội dung:

+ Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng Nhà nước giao cho các Công ty Lâm nghiệp, diện tích rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý.

+ Hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung;

- Phân công thực hiện:

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

\* *Nội dung 1*: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

- Đối tượng, địa bàn và nội dung thực hiện: Theo quy định tại Mục 1 Chương IV Thông tư số 02/2022/TT-UBND của Ủy ban Dân tộc.

- Phân công thực hiện:

+ Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành hướng dẫn tổ chức thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

+ Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay vốn tín dụng chính sách theo quy định hiện hành.

\* *Nội dung 2*: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Đối tượng và nội dung thực hiện: Theo quy định tại Mục 2 Chương IV Thông tư số 02/2022/TT-UBND của Ủy ban Dân tộc.

- Phân công thực hiện:

+ Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương hướng dẫn triển khai.

+ Sở Công Thương triển khai thực hiện các hoạt động thu hút đầu tư, hội chợ, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung liên quan trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

**3. Dự án 4 - Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

a) Đối tượng và nội dung thực hiện: Theo quy định tại Mục 1 Chương V Thông tư số 02/2022/TT-UBND của Ủy ban Dân tộc.

b) Phân công thực hiện:

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn chung về tổ chức thực hiện Dự án 4 và hướng dẫn thực hiện Nội dung 1: *Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn*; chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các địa phương rà soát danh mục đầu tư đảm bảo không trùng lặp về nội dung, nguồn vốn trên cùng một địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Nội dung 2: *Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án 4 trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

#### **4. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

a) Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú

- Đối tượng: Hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú. Ưu tiên đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, đặc biệt là cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số trong giảng dạy và học tập cho các trường phổ thông dân tộc nội trú ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và vùng khó khăn; các trường chưa có cơ sở vật chất hoặc có nhưng xuống cấp.

- Nội dung: Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú

+ Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối/phòng công trình phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh và phòng công vụ giáo viên;

+ Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất/khối phòng/công trình phục vụ học tập; bổ sung, nâng cấp các công trình phụ trợ khác;

- Phân công thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ đột xuất.

b) Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

- Đối tượng và nội dung thực hiện: Theo quy định tại Tiểu mục 1 Mục 1 Chương VI Thông tư số 02/2022/TT-UBDT của Ủy ban Dân tộc.

- Phân công thực hiện:

+ Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện nội dung Bồi dưỡng kiến thức dân tộc;

+ Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện nội dung Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số;

+ Các sở, ngành và địa phương phối hợp tổ chức triển khai thực hiện nội dung Bồi dưỡng kiến thức dân tộc và tiếng dân tộc thiểu số.

c) Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

- Đối tượng:

+ Người lao động là người dân tộc thiểu số, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ quan quản lý về giáo dục nghề nghiệp các cấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Các trung tâm dịch vụ việc làm và doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm có hoạt động liên quan đến người lao động là người dân tộc thiểu số, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Các doanh nghiệp, tổ chức đưa người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đi làm việc ở nước ngoài; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đi làm việc ở nước ngoài.

- Nội dung:

+ Xây dựng các mô hình đào tạo nghề, giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu đào tạo nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả việc làm sau đào tạo;

+ Hỗ trợ đào tạo nghề;

+ Hỗ trợ người lao động thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Chuẩn hóa kỹ năng lao động và kết nối hiệu quả đào tạo gắn với giải quyết việc làm. Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho người lao động là người dân tộc thiểu số;

+ Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài; kiểm tra, giám sát đánh giá việc triển khai các nội dung theo mục tiêu của dự án và xây dựng phương pháp, cơ chế giám sát, đánh giá và đề xuất điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án;

- Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện Tiểu dự án; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ đột xuất.

d) Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

- Đối tượng và nội dung thực hiện: Theo quy định tại Mục 1 Chương VI Thông tư số 02/2022/TT-UBND của Ủy ban Dân tộc.

- Phân công thực hiện: Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ đột xuất.

### **5. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch**

a) Đối tượng:

- Xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;
- Bản sắc văn hóa, di sản của các dân tộc thiểu số;
- Đồng bào các dân tộc thiểu số, nghệ nhân người dân tộc thiểu số;
- Cán bộ công chức thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc;
- Văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể của đồng bào các dân tộc thiểu số;
- Lễ hội truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số; thiết chế văn hóa cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;
- Doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Nội dung:

- Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số;

- Bảo tồn, phát huy lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số nhằm khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch:

+ Phục hồi, bảo tồn các lễ hội của dân tộc Raglai, T'rin (Cơ Ho), Ê đê: Lễ bỏ mã của người Raglai huyện Khánh Sơn; Lễ ăn mừng đầu lúa mới của dân tộc Raglai ở huyện Khánh Sơn và huyện Khánh Vĩnh; Lễ cưới hỏi của người T'rin (Cơ Ho) ở huyện Khánh Vĩnh; Lễ hội cúng bến nước của dân tộc Ê đê xã Ninh Tây;

+ Xây dựng 03 chương trình sản phẩm phục vụ du lịch (dự kiến Khánh Sơn, Khánh Vĩnh, Ninh Hòa mỗi địa phương 01 chương trình).

- Hỗ trợ nghệ nhân người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận (30 người);

- Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể cho công chức văn hóa xã; nghệ nhân, trưởng thôn, người có uy tín, đối tượng không hưởng lương từ ngân sách Nhà nước:

+ Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ tại các huyện, thị xã, thành phố (06 lớp);

+ Tổ chức lớp tập huấn truyền dạy văn hóa phi vật thể tại các huyện, thị xã, thành phố (06 lớp).

- Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy văn hóa phi vật thể dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một (nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn tiếng nói và chữ viết của dân tộc Raglai);

- Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số:

+ Xây dựng mô hình trải nghiệm, tìm hiểu, bảo vệ di sản văn hóa lễ bỏ mả của dân tộc thiểu số Raglai gắn với tiềm năng di tích lịch sử văn hóa, danh thắng huyện Khánh Sơn;

+ Xây dựng mô hình di sản văn hóa kết nối các hành trình du lịch di sản văn hóa, di tích lịch sử, căn cứ cách mạng huyện Khánh Vĩnh.

+ Xây dựng mô hình đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số gắn với phục hồi, bảo tồn và phát huy trang phục truyền thống dân tộc Ê đê tại xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hòa.

- Hỗ trợ xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (dự kiến xây dựng 40 câu lạc bộ);

- Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (dự kiến 40 đội văn nghệ);

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Dự kiến hỗ trợ đầu tư 03 điểm đến du lịch tại huyện Khánh Vĩnh, Khánh Sơn, Cam Ranh (tăng cường trang thiết bị phòng sinh hoạt cộng đồng, chỉnh trang cảnh quan khu vực sinh hoạt cộng đồng, trang thiết bị phòng ở nhà dân để phát triển dịch vụ homestay...).

- Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số cấp phát cho cộng đồng các dân tộc thiểu số:

+ Xây dựng nội dung, xuất bản sách tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Khánh Hòa (dày 500 trang có hình ảnh minh họa);

+ Xây dựng nội dung, xuất bản đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Khánh Hòa (thời lượng 120 phút).

- Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số:

- + Tham gia Ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch các dân tộc miền Trung;
- + Hỗ trợ Ngày hội văn hóa và thể thao các dân tộc thiểu số;
- + Tham gia Liên hoan trình diễn trang phục các dân tộc thiểu số Việt Nam;
- + Tổ chức Ngày hội văn hóa, thể thao các dân tộc miền Trung.

- Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các dân tộc thiểu số;

- Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

+ Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số;

+ Hỗ trợ chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại 2 huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh.

- Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số (dự kiến hỗ trợ đầu tư bảo tồn 03 làng văn hóa truyền thống tiêu biểu của 03 dân tộc thiểu số: dân tộc Raglai huyện Khánh Sơn; dân tộc T'rin (Cơ Ho) huyện Khánh Vĩnh; dân tộc Êđê thị xã Ninh Hòa).

- Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (dự kiến xây dựng 6 tủ sách cộng đồng tại các huyện, thị xã, thành phố);

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (hỗ trợ xây dựng nhà dài, nhà sinh hoạt cộng đồng tại 83 thôn vùng dân tộc thiểu số và miền núi);

- Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch (dự kiến xây dựng 03 mô hình bảo tàng sinh thái truyền thống của 03 dân tộc thiểu số: dân tộc Raglai, huyện Khánh Sơn; dân tộc T'rin (Cơ Ho), huyện Khánh Vĩnh; dân tộc Êđê, thị xã Ninh Hòa);

c) Phân công thực hiện:

- Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tổ chức, triển khai thực hiện. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Sở Du lịch phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tổ chức, triển khai thực hiện nội dung:

+ Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Quảng bá, xúc tiến du lịch các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại 02 huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh.

**6. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em**

a) Đối tượng:

- Người dân sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là phụ nữ mang thai, bà mẹ, trẻ em và người cao tuổi;

- Cán bộ y tế, dân số; nhân viên Trung tâm y tế huyện; nhân viên Trạm y tế xã; viên chức dân số xã; nhân viên y tế thôn, cộng tác viên dân số, cô đỡ thôn.

b) Nội dung:

- Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

- Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

- Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số.

c) Phân công thực hiện:

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện Dự án.

**7. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em**

a) Đối tượng:

Phụ nữ và trẻ em gái tại các xã và thôn đặc biệt khó khăn, ưu tiên phụ nữ và trẻ em gái là người dân tộc thiểu số trong các hộ nghèo, cận nghèo, nạn nhân bị mua bán, bị bạo lực gia đình, bị xâm hại tình dục, phụ nữ khuyết tật.

b) Địa bàn:

Thực hiện tại 66 thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, ưu tiên nguồn lực cho địa bàn đặc biệt khó khăn (theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025).

c) Nội dung:

- Tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em.

- Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em gái trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị

- Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng thôn, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.

d) Phân công thực hiện:

Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Dự án.

**8. Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn**

a) Tiêu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn

- Đối tượng: Hộ dân tộc thiểu số nghèo thuộc danh sách dân tộc còn gặp nhiều khó khăn theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nội dung thực hiện: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 55 Thông tư số 02/2022/TT-UBND của Ủy ban Dân tộc.

- Phân công thực hiện:

+ Ngân hàng Chính sách xã hội chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các địa phương tổ chức thực hiện Tiểu dự án; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn bảo đảm không trùng lặp đối tượng, nội dung với các Dự án, Tiểu dự án khác thuộc Chương trình; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

b) Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Đối tượng: Theo quy định tại điểm b Khoản 9 Mục III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nội dung thực hiện: Theo quy định tại Mục 2 Chương VII Thông tư số 02/2022/TT-UBND của Ủy ban Dân tộc.

- Phân công thực hiện:

+ Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các địa phương liên quan xác định đối tượng, địa bàn, chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất;

+ Sở Y tế hướng dẫn về chuyên môn của nội dung giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống của Tiểu dự án;

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

**9. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình**

a) Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030

\* *Nội dung 1:* Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín

- Đối tượng: Theo quy định tại nội dung số 01 điểm a Khoản 10 Mục III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nội dung thực hiện: Theo Khoản 2 Điều 64 và Khoản 2 Điều 65 Mục 1 Chương VIII Thông tư số 02/2022/TT-UBND của Ủy ban Dân tộc.

- Phân công thực hiện: Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

\* *Nội dung 2:* Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số

- Đối tượng: Theo quy định tại Điều 67 Thông tư số 02/2022/TT-UBND của Ủy ban Dân tộc.

- Nội dung:

+ Phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền gồm các hoạt động: Tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo, hội thi (bằng các hình thức phù hợp với địa phương), nói chuyện chuyên đề, xây dựng mô hình điểm, câu lạc bộ tuyên truyền pháp luật; lồng ghép với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng chuyên trang, chuyên mục đặc thù, tiểu phẩm, câu chuyện pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng; sao, in, phát hành tài liệu (tờ gấp, sách bỏ túi, cẩm nang pháp luật, sổ tay truyền thông và các ấn phẩm, tài liệu khác);

+ Cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Tuyên truyền, truyền thông, vận động Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tham gia tổ chức, triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

+ Thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới và nâng cao năng lực công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối mới và nâng cao năng lực công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

- Phân công thực hiện:

+ Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ đột xuất.

+ Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

\* *Nội dung 3*: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Đối tượng: Theo quy định tại nội dung số 03 điểm a Khoản 10 Mục III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nội dung:

+ Nâng cao nhận thức trợ giúp pháp lý điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Tổ chức tập huấn điểm về kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số, tập huấn điểm về tiếp cận trợ giúp pháp lý đối với đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Xây dựng các chương trình về trợ giúp pháp lý người dân tộc thiểu số trên đài phát thanh và truyền hình, trang thông tin điện tử, phim tài liệu, các chương trình, phóng sự về trợ giúp pháp lý hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Tổ chức chuyên đề trợ giúp pháp lý điểm kết nối cộng đồng tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tổ chức các đợt truyền thông về trợ giúp pháp lý tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Biên soạn, cung cấp các tài liệu truyền thông về chính sách trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số. Cung cấp bảng thông tin về trợ giúp pháp lý, tờ thông tin về trợ giúp pháp lý và hộp tin trợ giúp pháp lý cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Phân công thực hiện: Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

b) Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Đối tượng: Theo quy định tại điểm b Khoản 10 Mục III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nội dung:

+ Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

+ Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự;

+ Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Phân công thực hiện:

+ Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện nội dung “Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030”;

+ Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện nội dung “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự”;

+ Liên minh Hợp tác xã chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc thực hiện nội dung “Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”.

c) Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn, tổ chức thực hiện Chương trình.

- Đối tượng:

+ Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình;

+ Người dân trên địa bàn thụ hưởng Chương trình.

- Nội dung:

+ Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp địa phương;

+ Nâng cao năng lực giám sát, đánh giá cho các địa phương, gồm cả cơ quan chủ trì và các cơ quan, đơn vị tham gia tổ chức thực hiện Chương trình;

+ Tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình;

+ Tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng. Tổ chức giám sát, phản biện xã hội đối với các chính sách của Chương trình;

+ Triển khai Bộ Chỉ số theo dõi thực hiện, khung kết quả của Chương trình; vận hành phần mềm giám sát, đánh giá, đảm bảo thu thập, lưu trữ, xử lý thông tin giám sát và đánh giá phục vụ kịp thời cho yêu cầu quản lý Chương trình.

- Phân công thực hiện:

+ Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan tham gia thực hiện Chương trình tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá theo quy định.

+ Các sở, ban, ngành tỉnh (chủ dự án, chủ tiêu dự án, chủ nội dung thành phần Chương trình) hướng dẫn triển khai công tác giám sát, đánh giá theo chức năng và phạm vi quản lý.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã xây dựng kế hoạch, tổ chức giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình trên địa bàn theo quy định.

## **V. TỔNG MỨC VỐN, NGUỒN VỐN VÀ PHÂN BỐ VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

1. Tổng nhu cầu vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 là 466.187 triệu đồng; trong đó:

- Ngân sách Trung ương	:	376.836 triệu đồng;
+ Vốn đầu tư phát triển	:	337.720 triệu đồng;
+ Vốn sự nghiệp năm 2022	:	39.116 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương	:	56.525 triệu đồng;
+ Vốn đầu tư phát triển	:	50.658 triệu đồng;
+ Vốn sự nghiệp năm 2022	:	5.867 triệu đồng;
- Vốn tín dụng chính sách	:	26.290 triệu đồng;

- Vốn huy động khác : 6.536 triệu đồng.

(Phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Lồng ghép thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia ở các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Phân kỳ đầu tư thực hiện chương trình

a) Vốn đầu tư công:

	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
			Tổng số	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
<b>Tổng vốn</b>	<b>388.378</b>	<b>337.720</b>	<b>50.658</b>	<b>35.841</b>	<b>14.817</b>
Năm 2021 và 2022	73.171	63.627	9.544	7.081	2.463
Năm 2023	137.043	119.168	17.875	12.513	5.362
Năm 2024	139.401	121.218	18.183	12.728	5.455
Năm 2025	38.763	33.707	5.056	3.539	1.517

b) Vốn sự nghiệp:

Hiện nay ngân sách trung ương chưa giao vốn sự nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, chỉ phân bổ vốn sự nghiệp năm 2022 là 39.116 triệu đồng; ngân sách địa phương đối ứng: 5.867 triệu đồng, trong đó ngân sách tỉnh 4.330,5 triệu đồng, ngân sách cấp huyện 1.536,5 triệu đồng.

## **VI. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

### **1. Về nguyên tắc thực hiện Chương trình**

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, bền vững, không dàn trải, tập trung cho các xã, thôn khó khăn nhất; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, khó khăn nhất.

- Đẩy mạnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư; thực hiện tốt phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”, thực hiện công khai, dân chủ từ cơ sở, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân. Người dân được tham gia và quyết định trong lập kế hoạch, lựa chọn đối tượng được hưởng lợi, tổ chức thực hiện và giám sát đánh giá.

- Các đơn vị chủ đầu tư trực tiếp sử dụng ngân sách của Chương trình phải có trách nhiệm triển khai thực hiện đúng quy định của Luật Đầu tư công và cơ chế đặc thù đối với Chương trình mục tiêu quốc gia; đảm bảo việc giải ngân đúng tiến

độ, nếu đơn vị chủ đầu tư để vốn tồn đọng, không giải ngân đúng tiến độ quy định thì sẽ xem xét trách nhiệm của người đứng đầu và kiên quyết không giao cho đơn vị đó làm chủ đầu tư trong những năm tiếp theo.

- Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ đầu tư có điều kiện, hỗ trợ kết hợp với vay ưu đãi; hộ gia đình phải có trách nhiệm với nguồn vốn vay, có ý chí tự lực tự cường vượt khó vươn lên thoát nghèo.

- Ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đăng ký thoát khỏi thôn, xã đặc biệt khó khăn; phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị có nhiều hộ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia; phát triển kinh tế tập thể, tổ hợp tác, hợp tác xã ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trọng tâm là 9 xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực hiện Chương trình.

## **2. Về huy động các nguồn lực**

- Đa dạng hóa nguồn lực để thực hiện Chương trình, trong đó ngân sách Nhà nước giữ vai trò quyết định. Đảm bảo huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được quy định; các địa phương phải bố trí đủ vốn ngân sách theo quy định để thực hiện Chương trình.

- Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước để đầu tư vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kết hợp với cải cách tối giản các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi để kêu gọi, vận động thu hút nguồn vốn đầu tư của các hộ dân, doanh nghiệp, các thành phần kinh tế tư nhân, vốn tín dụng chính sách, vốn ODA, vốn viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước... tham gia đầu tư vào Chương trình.

- Lồng ghép thực hiện các nguồn vốn đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi một cách hiệu quả, tránh trùng lặp.

- Hằng năm tổ chức phát động, kêu gọi các tổ chức, cá nhân quyên góp ủng hộ “quỹ vì người nghèo” để hỗ trợ làm nhà ở cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, già cả neo đơn, mất khả năng lao động và hỗ trợ đầu tư các công trình phúc lợi, phục vụ cộng đồng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

## **3. Về kỹ thuật và khoa học công nghệ**

- Xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng dân tộc thiểu số và miền núi để phục vụ công tác dự tính, dự báo, hoạch định và quản lý thực hiện chính sách dân tộc.

- Đẩy mạnh các hoạt động khoa học và công nghệ nhằm tạo động lực cho sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ưu tiên thực hiện chính sách nghiên cứu ứng dụng, hỗ trợ chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt chú trọng việc chuyển giao khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao trong các mô hình mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, các vùng sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa gắn trực tiếp với lợi ích của đồng bào dân tộc thiểu số.

#### **4. Về công tác tuyên truyền**

- Tuyên truyền sâu rộng về vị trí, tầm quan trọng, sự cần thiết đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; nhân rộng các cách làm hay, mô hình kinh tế hiệu quả, gương tập thể, cá nhân điển hình trong thực hiện chương trình, tạo hiệu ứng lan tỏa trong cộng đồng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, tuyên truyền trực quan, lưu động, các hoạt động sinh hoạt văn hóa, thể thao của cộng đồng từ cơ sở. Phát huy vai trò của đội ngũ tuyên truyền ở cơ sở, người có uy tín, già làng, trưởng thôn trong công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số tích cực tham gia thực hiện có hiệu quả Chương trình, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Công tác tuyên truyền, vận động gắn với phát động và tổ chức các phong trào thi đua thực hiện Chương trình. Phát huy vai trò, sự vào cuộc của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp tham gia vận động, tuyên truyền để tạo sự đồng thuận cao trong xã hội, phát huy vai trò chủ thể của người dân tích cực tham gia thực hiện Chương trình. Tổ chức tuyên truyền, vận động thực hiện tốt phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; kịp thời phát hiện, đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

#### **5. Về phát triển sản xuất**

- Tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn các xã, thôn thuộc phạm vi Chương trình; phát triển nông nghiệp hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Hỗ trợ hình thành các vùng chuyên canh tập trung cây lâm nghiệp, cây ăn trái, cây lương thực... với quy mô hợp lý, có quy hoạch, định hướng, gắn với thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)”; xây dựng các mô hình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm an toàn VietGAP, nông nghiệp hữu cơ.

- Phát triển chăn nuôi theo hướng liên kết sản xuất, hình thành các hợp tác xã chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng công nghiệp hóa để đưa ngành chăn nuôi trở thành một động lực tăng trưởng, chiếm tỷ trọng cao trong ngành nông nghiệp.

#### **6. Xây dựng đội ngũ cán bộ vùng dân tộc thiểu số và miền núi**

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực về quản lý nhà nước, kiến thức pháp luật, kiến thức về công tác dân tộc, phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kinh tế trang trại... cho cán bộ cơ sở. Tiếp tục tăng cường đội ngũ cán bộ chủ chốt có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực và trình độ chuyên môn, có đức, có tài cho các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng thời chăm lo xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số tại chỗ, cán bộ nữ, đảm bảo số lượng theo quy định; ưu tiên lựa chọn để đề bạt, bổ nhiệm những cán bộ đã được bồi dưỡng kiến thức dân tộc và biết sử dụng tiếng dân tộc; khuyến khích và thu hút trí thức trẻ, cán bộ chuyên môn kỹ thuật về công tác tại các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tập trung xây dựng, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, kiến thức về công tác dân tộc cho đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, vận động, triển khai thực hiện các đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc nói chung và Chương trình mục tiêu Quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi nói riêng. Đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở phải sâu sát dân, hiểu biết văn hoá, phong tục tập quán, đặc điểm tâm lý, tính cách của dân tộc thiểu số nơi mình công tác; xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa Nhân dân với Đảng, với chính quyền và cán bộ; tạo đồng thuận trong xã hội, củng cố lòng tin của đồng bào với Đảng và Nhà nước; vận động Nhân dân phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thách thức tham gia thực hiện Chương trình để hòa nhập và phát triển.

#### **7. Đổi mới tổ chức và hoạt động của ngân hàng chính sách xã hội**

Đổi mới tổ chức và hoạt động của ngân hàng chính sách xã hội theo hướng mở rộng đối tượng vay đến các dự án sản xuất, kinh doanh tạo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số; đảm bảo các nguồn vốn tín dụng chính sách để hộ dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống.

### **VII. PHÂN CÔNG QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Ban Dân tộc**

- Là Cơ quan thường trực, quản lý Chương trình, chủ trì phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn triển khai thực hiện; tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất; tổ chức sơ kết, tổng kết Chương trình theo quy định;

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan rà soát, lựa chọn các nội dung, danh mục đầu tư hỗ trợ được ưu tiên, trọng tâm, trọng điểm cần thực hiện, đảm bảo đạt được các chỉ tiêu của Chương trình đã đề ra; phối hợp lồng ghép nguồn lực đầu tư hỗ trợ của các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hiệu quả, tránh trùng lặp, chồng chéo;

- Tổng hợp, đề xuất kế hoạch, nhu cầu vốn, dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương đối ứng để thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 và hằng năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành định kỳ, đột xuất tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương;

- Chủ trì hướng dẫn triển khai thực hiện: Dự án 1; Tiêu dự án 2 của Dự án 3; Nội dung 1 thuộc Tiêu dự án 1 của Dự án 4; Tiêu Dự án 2, Tiêu dự án 4 của Dự án 5; Dự án 9; Nội dung số 1, Nội dung số 2 (trừ nhiệm vụ do Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, thực hiện) thuộc Tiêu dự án 1, Tiêu dự án 2 (trừ nhiệm vụ do Sở Thông tin và Truyền thông, Liên minh Hợp tác xã chủ trì, thực hiện) và Tiêu dự án 3 của Dự án 10.

## **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Thực hiện chức năng cơ quan tổng hợp Chương trình; tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ kinh phí, nhiệm vụ cụ thể thực hiện Chương trình vào kế hoạch 05 năm và kế hoạch hằng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

## **3. Sở Tài chính**

- Trên cơ sở Kế hoạch và dự toán kinh phí vốn sự nghiệp ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình do Ban Dân tộc lập; Sở Tài chính tổng hợp, cân đối ngân sách tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện.

- Phối hợp với các sở, cơ quan liên quan kiểm tra việc cấp phát, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình theo quy định.

**4. Các sở, ban, ngành được phân công chủ trì Dự án, Tiêu dự án, Nội dung thành phần thuộc Chương trình (*Phụ lục VI kèm theo*)**

- Căn cứ các văn bản, định hướng chuyên ngành, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu xây dựng kế hoạch giai đoạn 2021-2025 và hằng năm thực hiện Chương trình, dự án, tiểu dự án thành phần thuộc phạm vi quản lý, lĩnh vực được giao gửi Ban Dân tộc để tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định;

- Hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình được phân công chủ trì;

- Chịu trách nhiệm rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương để tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, dự án, đề án khác;

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, các sở, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần Chương trình được phân công chủ trì theo quy định, gửi Ban Dân tộc để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh và Ủy ban Dân tộc;

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao gửi về Ban Dân tộc để tổng hợp theo quy định.

### **5. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hạn mức đất ở, định mức đất sản xuất cho 01 hộ để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện hỗ trợ đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số.

### **6. Sở Xây dựng**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn xác định thực trạng về nhà ở và chất lượng về nhà ở sau khi được hỗ trợ. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn nghiên cứu, thiết kế mẫu nhà ở phù hợp với phong tục tập quán của đồng bào.

### **7. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh**

Phối hợp với các sở, ngành liên quan, các tổ chức hội, đoàn thể nhận ủy thác triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao hiệu quả và mở rộng vốn tín dụng ưu đãi đối với các dự án phát triển sản xuất, kinh doanh; tham mưu đề xuất với các cơ quan Trung ương sửa đổi, bổ sung cơ chế, định mức cho vay đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số cho phù hợp.

**8. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Khánh Hòa có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu của Chương trình.**

### **9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung Kế hoạch thực hiện Chương trình của tỉnh, tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo xây dựng, phê duyệt kế hoạch và tổ chức thực hiện trên địa bàn; hằng năm gửi Ban Dân tộc, cơ quan chủ trì Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình và các cơ quan có liên quan theo quy định. Chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện về tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện Chương trình trên địa bàn;

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận, phát huy vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị tại địa phương trong thực hiện Chương trình; phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng, người dân tại địa phương trong thực hiện Chương trình, nhà nước hỗ trợ, người dân chủ động thực hiện;

- Bố trí đủ nguồn vốn thực hiện Chương trình theo quy định, tổ chức huy động các nguồn lực, nhất là nguồn lực từ doanh nghiệp, cộng đồng, người dân để thực hiện các nội dung của Chương trình theo quy định. Tập trung xây dựng, nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất, liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm để nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân, giảm nghèo bền vững;

- Phát huy vai trò giám sát của cộng đồng trong quá trình thực hiện Chương trình từ cơ sở; xây dựng cơ chế quản lý, khai thác, phát huy hiệu quả sử dụng của các công trình, dự án sau khi đã được đầu tư hỗ trợ;

- Tổ chức phong trào thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; kịp thời biểu dương, nhân rộng các gương tập thể, cá nhân điển hình tiêu biểu, tạo sức lan tỏa sâu rộng của phong trào thi đua từ cơ sở;

- Thường xuyên kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn; kịp thời giải quyết, kiến nghị giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện từ cơ sở. Định kỳ sơ, tổng kết, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo quy định;

### **10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội**

- Xây dựng kế hoạch, chương trình phối hợp để tuyên truyền, vận động, huy động nguồn lực thực hiện Chương trình gắn với phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”. Tuyên truyền nhân rộng các gương tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến và phong trào thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình;

- Phối hợp thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

Trên đây là Kế hoạch triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; yêu cầu các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các hội, đoàn thể có liên quan, nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Ban Dân tộc để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

## Phụ lục I

**TỔNG HỢP VỐN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA  
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025  
TỈNH KHÁNH HOÀ**

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Số lượng	Tổng vốn đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương (đối ứng 15%)			Vốn tín dụng chính sách	Vốn huy động khác
				Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:			
					Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp (*)		Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp (*)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	<b>TỔNG CỘNG</b>		466.187	376.836	337.720	39.116	56.525	50.658	5.867	26.290	6.536
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		61.698	27.193	25.859	1.334	4.079	3.879	200	26.290	4.136
1	Hỗ trợ đất ở	9 hộ	963	360	360		54	54		450	99
2	Hỗ trợ nhà ở	367 hộ	35.599	14.680	14.680		2.202	2.202		14.680	4.037
3	Hỗ trợ đất sản xuất	144 hộ	14.886	3.240	3.240		486	486		11.160	
4	Hỗ trợ nước sinh hoạt		10.250	8.913	7.579	1.334	1.337	1.137	200		
	- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	511 hộ	1.534	1.334		1.334	200		200		
	- Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung	4 CT	8.716	7.579	7.579		1.137	1.137			
II	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị		18.599	14.086		14.086	2.113		2.113		2.400
1	Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân		8.883	7.724		7.724	1.159		1.159		
	- Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng	21.454 ha	8.232	7.158		7.158	1.074		1.074		
	- Hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh	424 ha	651	566		566	85		85		
2	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS & MN		9.716	6.362		6.362	954		954		2.400
III	Dự án 4 - Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống vùng đồng bào DTTS & MN		270.772	235.454	233.012	2.442	35.318	34.952	366		
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu		233.722	219.689	217.247	2.442	14.033	13.667	366		
	- Đầu tư xây mới, nâng cấp cải tạo cơ sở vật chất trạm y tế xã ĐBK và mua sắm trang thiết bị	20 trạm	18.622	16.193	15.758	435	2.429	2.364	65		

STT	NỘI DUNG	Số lượng	Tổng vốn đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương (đối ứng 15%)			Vốn tín dụng chính sách	Vốn huy động khác
				Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:			
					Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp (*)		Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp (*)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	- Đầu tư cơ sở hạ tầng xã ĐBK, thôn ĐBK	20 xã, 10 thôn	199.040	188.939	188.939		10.101	10.101			
	- Đầu tư nâng cấp đường đến trung tâm xã, đường liên xã		13.752	12.550	12.550		1.202	1.202			
	- Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng xã ĐBK, thôn ĐBK và công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư giai đoạn trước		2.308	2.007		2.007	301		301		
2	Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS & MN		10.565	10.465	10.465		100	100			
3	Chưa phân bổ		26.485	5.300	5.300		21.185	21.185			
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		49.223	42.803	35.471	7.332	6.420	5.320	1.100		
1	Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông DTNT và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS		42.229	36.721	35.471	1.250	5.508	5.320	188		
	- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú		42.229	36.721	35.471	1.250	5.508	5.320	188		
2	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	28 xã	966	840		840	126		126		
3	Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng DTTS & MN		4.395	3.822		3.822	573		573		
4	Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp	20 xã, 10 thôn	1.633	1.420		1.420	213		213		
V	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch		40.399	35.130	33.995	1.135	5.269	5.099	170		
VI	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em		1.141	992		992	149		149		
VII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em		2.665	2.317		2.317	348		348		
VIII	Dự án 9: Đầu tư phát triển dân tộc còn nhiều khó khăn		9.448	8.216		8.216	1.232		1.232		
1	Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế dân tộc còn nhiều khó khăn	5.447 hộ	8.600	7.478		7.478	1.122		1.122		
2	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	28 xã	848	738		738	110		110		

STT	NỘI DUNG	Số lượng	Tổng vốn đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương (đổi ứng 15%)			Vốn tín dụng chính sách	Vốn huy động khác
				Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:			
					Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp (*)		Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp (*)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>IX</b>	<b>Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS &amp; MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình</b>		<b>12.242</b>	<b>10.645</b>	<b>9.383</b>	<b>1.262</b>	<b>1.597</b>	<b>1.408</b>	<b>189</b>		
1	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030	28 xã	834	725		725	109		109		
2	Ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	20 xã, 10 thôn	11.060	9.617	9.383	234	1.443	1.408	35		
3	Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình		348	303		303	45		45		

**Ghi chú: (\*) Vốn sự nghiệp năm 2022 ngân sách trung ương phân bổ tại Quyết định số 1084/QĐ-BTC ngày 10/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính**

**Phụ lục II**  
**TỔNG HỢP VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**  
**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO**  
**DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
**TỈNH KHÁNH HÒA**

*ĐVT: Triệu đồng*

S T T	NỘI DUNG	Số lượng	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương (đối ứng 15%)		
					Tổng cộng	Trong đó:	
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>388.378</b>	<b>337.720</b>	<b>50.658</b>	<b>37.385</b>	<b>13.273</b>
<b>I</b>	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>		<b>29.738</b>	<b>25.859</b>	<b>3.879</b>	<b>2.716</b>	<b>1.163</b>
<b>1</b>	<b>Phân bổ cho các sở, ban, ngành</b>						
<b>2</b>	<b>Phân bổ cho các địa phương</b>		<b>29.738</b>	<b>25.859</b>	<b>3.879</b>	<b>2.716</b>	<b>1.163</b>
	- Dự án đầu tư hỗ trợ đất ở	9 hộ	414	360	54	37	17
	- Dự án đầu tư hỗ trợ nhà ở	367 hộ	16.882	14.680	2.202	1.542	660
	- Dự án đầu tư hỗ trợ đất sản xuất	144 hộ	3.726	3.240	486	341	145
	- Dự án đầu tư hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung	4 CT	8.716	7.579	1.137	796	341
<b>II</b>	<b>Dự án 4 - Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống trong vùng đồng bào DTTS</b>		<b>267.964</b>	<b>233.012</b>	<b>34.952</b>	<b>25.178</b>	<b>9.774</b>
<b>1</b>	<b>Phân bổ cho Sở Y tế</b>		<b>18.122</b>	<b>15.758</b>	<b>2.364</b>	<b>2.364</b>	
	- Đầu tư xây mới, nâng cấp cải tạo cơ sở vật chất trạm y tế xã ĐBK	20 trạm	18.122	15.758	2.364	2.364	
<b>2</b>	<b>Phân bổ cho các địa phương</b>		<b>223.357</b>	<b>211.954</b>	<b>11.403</b>	<b>8.468</b>	<b>2.935</b>
	- Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng xã ĐBK, thôn ĐBK	20 xã, 10 thôn	199.040	188.939	10.101	7.557	2.544
	- Dự án đầu tư nâng cấp đường đến trung tâm xã, đường liên xã		13.752	12.550	1.202	841	361
	- Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS & MN		10.565	10.465	100	70	30
<b>3</b>	<b>Chưa phân bổ</b>		<b>26.485</b>	<b>5.300</b>	<b>21.185</b>	<b>14.346</b>	<b>6.839</b>
<b>III</b>	<b>Dự án 5 - Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông dân tộc nội trú</b>		<b>40.791</b>	<b>35.471</b>	<b>5.320</b>	<b>4.752</b>	<b>568</b>
<b>1</b>	<b>Phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo</b>		<b>15.876</b>	<b>13.805</b>	<b>2.071</b>	<b>2.071</b>	
	- Dự án đầu tư Trường phổ thông DTNT tỉnh		15.876	13.805	2.071	2.071	
<b>2</b>	<b>Phân bổ cho các địa phương</b>		<b>24.915</b>	<b>21.666</b>	<b>3.249</b>	<b>2.681</b>	<b>568</b>

S T T	NỘI DUNG	Số lượng	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương (đối ứng 15%)		
					Tổng cộng	Trong đó:	
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8
	- Dự án đầu tư Trường phổ thông DTNT huyện Khánh Vĩnh		9.340	8.122	1.218	1.218	
	- Dự án đầu tư Trường phổ thông DTNT huyện Khánh Sơn		1.048	911	137	137	
	- Dự án đầu tư Trường phổ thông DTNT thành phố Cam Ranh		14.527	12.633	1.894	1.326	568
<b>IV</b>	<b>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch</b>		<b>39.094</b>	<b>33.995</b>	<b>5.099</b>	<b>3.646</b>	<b>1.453</b>
1	<i>Phân bổ cho các sở, ban, ngành (5%)</i>		<i>1.955</i>	<i>1.700</i>	<i>255</i>	<i>255</i>	
2	<i>Phân bổ cho các địa phương</i>		<i>37.139</i>	<i>32.295</i>	<i>4.844</i>	<i>3.391</i>	<i>1.453</i>
	- Dự án đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN	83 thôn	11.273	9.801	1.472	1.030	442
	- Dự án đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS	3 điểm	1.428	1.242	186	129	57
	- Dự án đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số;	3 làng	12.219	10.626	1.593	1.116	477
	- Dự án xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các DTTS, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch	3 mô hình	12.219	10.626	1.593	1.116	477
<b>V</b>	<b>Dự án 10 - Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&amp;MN</b>		<b>10.791</b>	<b>9.383</b>	<b>1.408</b>	<b>1.093</b>	<b>315</b>
	<i>Dự án hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự</i>	20 xã, 10 thôn	10.791	9.383	1.408	1.093	315
1	<i>Phân bổ cho các sở, ban, ngành (25%)</i>		<i>2.698</i>	<i>2.346</i>	<i>352</i>	<i>352</i>	
2	<i>Phân bổ cho các địa phương</i>		<i>10.791</i>	<i>7.037</i>	<i>1.056</i>	<i>741</i>	<i>315</i>

## Phụ lục III

**DANH MỤC ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI  
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025  
TỈNH KHÁNH HOÀ**

DVT: Triệu đồng

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Số lượng	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	Trong đó:	
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>388.378</b>	<b>337.720</b>	<b>50.658</b>	<b>37.385</b>	<b>13.273</b>
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt				29.738	25.859	3.879	2.716	1.163
1	Phân bổ cho các sở, ban, ngành								
2	Phân bổ cho các địa phương				29.738	25.859	3.879	2.716	1.163
2.1	<b>Hỗ trợ đất ở</b>			9 hộ	414	360	54	37	17
	- Huyện Cam Lâm		2022-2025	5 hộ	230	200	30	21	9
	- Huyện Diên Khánh		2022-2025	2 hộ	92	80	12	8	4
	- Thành phố Cam Ranh		2022-2025	2 hộ	92	80	12	8	4
2.2	<b>Hỗ trợ nhà ở</b>			367 hộ	16.882	14.680	2.202	1.542	660
	- Huyện Khánh Vĩnh		2022-2025	86 hộ	3.956	3.440	516	361	155
	- Huyện Khánh Sơn		2022-2025	194 hộ	8.924	7.760	1.164	815	349
	- Huyện Cam Lâm		2022-2025	20 hộ	920	800	120	84	36
	- Huyện Diên Khánh		2022-2025	3 hộ	138	120	18	13	5
	- Thị xã Ninh Hòa		2022-2025	14 hộ	644	560	84	59	25
	- Thành phố Cam Ranh		2022-2025	50 hộ	2.300	2.000	300	210	90
2.3	<b>Hỗ trợ đất sản xuất</b>			144 hộ	3.726	3.240	486	341	145
	- Huyện Khánh Vĩnh		2022-2025	111 hộ	2.872	2.498	374	262	112
	- Huyện Cam Lâm		2022-2025	8 hộ	207	180	27	19	8
	- Huyện Diên Khánh		2022-2025	2 hộ	52	45	7	5	2
	- Thị xã Ninh Hòa		2022-2025	18 hộ	466	405	61	43	18
	- Thành phố Cam Ranh		2022-2025	5 hộ	130	113	17	12	5
2.4	<b>Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung</b>				8.716	7.579	1.137	796	341

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Số lượng	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	Trong đó:	
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2.4.1	Huyện Khánh Vĩnh				3.905	3.395	510	357	153
-	- Mở rộng Hệ thống cấp nước thôn Bắc Sông Giang	Xã Khánh Trung	2022-2025		3.905	3.395	510	357	153
2.4.2	Huyện Khánh Sơn				2.326	2.023	303	212	91
-	- Đầu tư nối mạng nước sinh hoạt khép kín các khu dân cư	Xã Sơn Bình	2022		2.326	2.023	303	212	91
2.4.3	Huyện Cam Lâm				883	768	115	81	34
-	- Sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Sơn Tân	Xã Sơn Tân	2022-2025		883	768	115	81	34
2.4.4	Thành phố Cam Ranh				1.602	1.393	209	146	63
-	- Công trình nối mạng hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Suối Rua, xã Cam Thịnh Tây vào hệ thống cấp nước do Công ty CP Đô thị Cam Ranh quản lý	Xã Cam Thịnh Tây	2022-2025		1.602	1.393	209	146	63
II	Dự án 4 - Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống trong vùng đồng bào DTTS				267.964	233.012	34.952	25.178	9.774
1	Phân bổ cho các sở, ban, ngành				18.122	15.758	2.364	2.364	
	Xây mới Trạm y tế xã Khánh Hiệp	Xã Khánh Hiệp	2025	1 xã	3.776	3.283	493	493	
	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã		2022-2024	19 xã	14.346	12.475	1.871	1.871	
2	Phân bổ cho các địa phương				223.357	211.954	11.403	8.468	2.935
2.1	Huyện Khánh Vĩnh				109.074	105.924	3.150	2.205	945
2.1.1	Đầu tư đường đến trung tâm xã				1.970	1.970			
	Đường Trung tâm xã đoạn từ UBND xã đến Khu tái định cư thôn Bồ Lang, xã Sơn Thái	Xã Sơn Thái	2023		1.970	1.970			
2.1.2	Đầu tư xây dựng, cải tạo mạng lưới chợ				4.154	4.154			
	- Xây dựng chợ Liên Sang	Xã Liên Sang	2023-2024		4.154	4.154			
2.1.3	Đầu tư cơ sở hạ tầng xã ĐBK, thôn ĐBK				102.950	99.800	3.150	2.205	945
1	Đường rẽ nhánh Khánh Lê - Lâm Đồng, điểm từ tràn đến rẫy ông Hà Choang	Giang Ly	2022		2.000	2.000			
2	Đường vào khu sản xuất từ đầu cầu Gia Lồ đến rẫy ông Hà Vương, xã Sơn Thái	Xã Sơn Thái	2022		1.000	1.000			
3	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Hà Văn đến rẫy ông Đinh Xuân Hương	Thôn Bồ Lang, xã Sơn Thái	2022		1.000	1.000			
4	Đường sản xuất thôn Tà Mơ 1 (Đoạn Tà Mơ 2 giáp đường Khánh Thành đi thị trấn)	Xã Khánh Thành	2022		1.000	1.000			
5	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Cao Văn Núi đến đất ông Cao Văn Hương	Xã Khánh Trung	2022		1.050	1.050			
6	Nâng cấp, sửa chữa đường vào khu sản xuất Suối A Pan	Xã Cầu Bà	2022		1.000	1.000			
7	Nâng cấp, sửa chữa đường vào khu sản xuất Suối Asay	Xã Cầu Bà	2022		1.000	1.000			

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Số lượng	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	Trong đó:	
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
8	Đường vào khu sản xuất Suối Gộp, xã Liên Sang	Xã Liên Sang	2022		2.000	2.000			
9	Tiếp tuyến đường từ bãi rác vào khu sản xuất kho cối	Xã Khánh Thượng	2022		1.100	1.100			
10	Tuyến đường từ nhà ông Hà Bón đến nhà ông Cao Nghem, xã Khánh Thượng	Xã Khánh Thượng	2022		1.000	1.000			
11	Tuyến đường từ ngã 3 đất ông Vũ Quang Minh vào khu sản xuất (dóc gù) đến đất bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết, xã Khánh Nam	Xã Khánh Nam	2022		2.000	2.000			
12	Tuyến B2 tuyến đường từ nhà ông Trần Trọng Tài đến đất ông Cao Văn Huy thôn Ba Cẳng (B2), xã Khánh Hiệp	Xã Khánh Hiệp	2022		1.000	1.000			
13	Đường từ ông Xi Ngân đi Xi Gia thôn Nước Nhĩ, xã Khánh Phú	Xã Khánh Phú	2022		1.000	1.000			
14	Bê tông hóa đường Cao Chua đi ông Chính	Xã Khánh Phú	2022		1.000	1.000			
15	Đường vào khu sản xuất Bến Khế từ nhà ông Mang Mẩn đến rẫy ông Nguyễn Ngọc Phan, xã Khánh Bình	Xã Khánh Bình	2022		1.200	1.200			
16	Đường vào khu sản xuất Bến Lễ từ rẫy ông Nguyễn Đình Hiếu đến rẫy ông Cao Văn Luyện, xã Khánh Bình.	Xã Khánh Bình	2022		1.200	1.200			
17	Sửa chữa, nâng cấp đường bê tông từ nhà ông Việt đến nhà ông Tiến, tổ 3, Thị trấn Khánh Vĩnh	Tổ 3, thị trấn Khánh Vĩnh	2022		820	820			
18	Sửa chữa, nâng cấp đường từ rẫy ông Huỳnh đi khu sản xuất, tổ 5, Thị trấn Khánh Vĩnh	Tổ 5, thị trấn Khánh Vĩnh	2022		1.120	630	490	343	147
19	Đường vào khu sản xuất Suối Gia Lồ từ hộ ông Mười đến hộ ông Duy	Xã Sơn Thái	2022		1.000		1.000	700	300
20	Đường khu dân cư Giồng Cạo thôn Tà Mơ, xã Khánh Thành	Xã Khánh Thành	2022		1.000		1.000	700	300
21	Đường vào khu sản xuất từ hộ ông Hà Thương đến hộ ông Cao Ri Sơn	Xã Sơn Thái	2022-2023		1.000	340	660	462	198
22	Đường từ nhà ông Tạch Văn Du đến đất bà Vũ Thị Miên, xã Khánh Trung	Xã Khánh Trung	2023		1.200	1.200			
23	Đường từ suối Lau đi Chà Là, xã Khánh Trung	Xã Khánh Trung	2023		1.200	1.200			
24	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Hà Gợi đến rẫy Bà Ca Thị Nương	Xã Cầu Bà	2023		1.000	1.000			
25	Đường vào khu sản xuất từ cầu treo đến rẫy ông Hà Thủy, xã Cầu Bà	Xã Cầu Bà	2023		1.000	1.000			
26	Nối tuyến đường vào khu sản xuất Gia Ngoé, xã Liên Sang	Xã Liên Sang	2023		2.000	2.000			
27	Đường từ cống tràn suối Dầu vào khu sản xuất suối Dầu, xã Khánh Thượng	Xã Khánh Thượng	2023		1.000	1.000			
28	Đường từ cống tràn qua nhà Ka Tơ Búi đến khu nhà ông Pi Năng Diệu	Xã Khánh Thượng	2023		1.000	1.000			
29	Đường vào khu sản xuất từ cầu treo thôn 6 đi xã Khánh Trung, xã Khánh Nam	Xã Khánh Nam	2023		2.000	2.000			
30	Tuyến C5 từ đường đất ông Cao Ngọc Banh đến giáp Sông Chò (C5), xã Khánh Hiệp	Xã Khánh Hiệp	2023		1.000	1.000			
31	Nâng cấp và sửa chữa đường ông Bách đi trại Cá tầm	Xã Khánh Phú	2023		1.000	1.000			

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Số lượng	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	Trong đó:	
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
32	Bê tông hóa đường Ly Tân đi Cao Là Miên	Xã Khánh Phú	2023		1.000	1.000			
33	Đường từ đất Cao Văn Đựng đến đất Cao Văn Lộc, thôn Suối Thom, xã Khánh Đông	Thôn Suối Thom, xã Khánh Đông	2023		600	600			
34	Đường vào khu sản xuất từ hộ ông Trung đến hộ ông Hà Na, xã Sơn Thái	Xã Sơn Thái	2023		1.000	1.000			
35	Kè chống sạt lở từ hộ ông Hà Môn đến hộ ông Hà Văng	Xã Sơn Thái	2023		1.000	1.000			
36	Dự án đường sản xuất suối Siêu (Đoạn từ rẫy ông Cao Khiêm tới rẫy ông Cao Xuân)	Xã Khánh Thành	2023		1.000	1.000			
37	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Hà Biệt đến rẫy ông Hà Bức	Xã Cầu Bà	2023		1.000	1.000			
38	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Hà Ri đến rẫy ông Cha Kha	Xã Cầu Bà	2023		1.000	1.000			
39	Đường vào khu sản xuất Gia Lê, xã Liên Sang	Xã Liên Sang	2023		2.000	2.000			
40	Tuyến H13 Từ điểm giữa T4 (nhà ông H Trây Y Din) đến khu ruộng suối Nước Nóng (H13)	Xã Khánh Hiệp	2023		1.000	1.000			
41	Bê tông hóa đường Cao Hiệp đi Cao Là Niên	Xã Khánh Phú	2023		1.000	1.000			
42	Đường vào khu sản xuất Ba Dùi từ TL 8 nhà bà Lê Thị Phương Dung đến ruộng ông Lý Văn Cài	Xã Khánh Bình	2023		1.200	1.200			
43	Đường vào khu sản xuất thôn Bến Khé từ Nghĩa trang Bến Khé đến rẫy ông Nguyễn Quốc Dũng	Xã Khánh Bình	2023		1.200	1.200			
44	Đường vào khu sản xuất thôn Ba Dùi từ ngã ba rẫy ông Cao Sơn Dục đến rẫy ông Y Bloan	Xã Khánh Bình	2023		1.200	1.200			
45	Nâng cấp, sửa chữa đường từ đất ông Bùi Quang Khanh đến đất bà Phạm Thị Hòa, thôn Suối Thom, xã Khánh Đông	Thôn Suối Thom, xã Khánh Đông	2023		600	600			
46	Nối tiếp rẽ nhánh Khánh Lê - Lâm Đồng, điểm từ rẫy ông Hà Choang đến thác Đá Tây.	Xã Giang Ly	2024		2.000	2.000			
47	Đường vào khu sản xuất từ hộ ông Nhơn đến hộ ông Hà Na	Xã Sơn Thái	2024		1.000	1.000			
48	Kè chống sạt lở từ hộ ông Đà Lân đến hộ bà Cà Ứng	Xã Sơn Thái	2024		1.000	1.000			
49	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Nguyễn Đình Hùng đi Chà Là, xã Khánh Trung	Xã Khánh Trung	2024		1.200	1.200			
50	Đường từ rẫy ông Cao Là Hiên đến giáp đường Mè Tây, xã Khánh Trung	Xã Khánh Trung	2024		1.000	1.000			
51	Nâng cấp sửa chữa đường vào khu sản xuất sau trạm bảo vệ rừng, xã cầu bà	Xã Cầu Bà	2024		1.000	1.000			
52	Đường vào khu sản xuất suối a say, thôn Đá Trắng, xã Cầu Bà	Xã Cầu Bà	2024		1.000	1.000			
53	Nối tuyến đường Suối Cua, xã Liên Sang	Xã Liên Sang	2024		2.000	2.000			

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Số lượng	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	Trong đó:	
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
54	Đường từ rẫy ông Pi Năng Đa Vít vào khu sản xuất suối Đá Trắng, xã Khánh Thượng	Xã Khánh Thượng	2024		1.000	1.000			
55	Đường từ đường BTXM thác Hòm vào khu sản xuất suối Lai	Xã Khánh Thượng	2024		1.000	1.000			
56	Đường từ đất ông Lê Thảo đến đất ông Nguyễn Phi Long, xã Khánh Nam	Xã Khánh Nam	2024		2.000	2.000			
57	Tuyến B1 Tuyến đường từ điểm ngã tư Cầu treo Hòn Lay (T5) đến TL8B (nhà ông Y Trung) thôn Ba Căng (B1), xã Khánh Hiệp	Xã Khánh Hiệp	2024		2.000	2.000			
58	Bê tông hóa đường Cao Dững đi Suối Lau	Xã Khánh Phú	2024		1.000	1.000			
59	Bê tông hóa đường Cao Linh đi C19	Xã Khánh Phú	2024		1.000	1.000			
60	Xây dựng đường KSX Ba Dùi từ rẫy ông Cao Mà Lú đến rẫy ông Cao Văn Ngân	Xã Khánh Bình	2024		1.050	1.050			
61	Xây dựng đường sản xuất từ tỉnh lộ 8 đến rẫy ông Y Niết	Xã Khánh Bình	2024		1.200	1.200			
62	Sửa chữa, nâng cấp đường từ nhà ông Cường đi khu sản xuất, thị trấn Khánh Vĩnh	Tổ 3, thị trấn Khánh Vĩnh	2024		600	600			
63	Trường Tiểu học Khánh Hiệp 1 (Điểm chính). Hạng mục: Xây dựng cổng, tường rào, sân, nhà xe	Xã Khánh Hiệp	2024		950	950			
64	Trường Tiểu học Khánh Hiệp 1 (Điểm Cà Thiêu). Hạng mục: Xây dựng cổng, tường rào, sân, nhà xe	Xã Khánh Hiệp	2024		950	950			
65	Nối tiếp đường vào khu sản xuất Đá Tây, điểm đầu từ rẫy ông Hà Ba đến rẫy ông Hà Đa.	Xã Giang Ly	2025		2.000	2.000			
66	Đường vào khu sản xuất đồng Bến Lợi (từ hộ ông Hà Đây đến hộ ông Cao Cà Ma)	Xã Sơn Thái	2025		823	823			
67	Kè chống sạt lở từ hộ ông Hà Choang đến hộ ông Trung	Xã Sơn Thái	2025		1.000	1.000			
68	Dự án đường vào khu đồng ruộng Ma lý Thượng	Xã Khánh Thành	2025		943	943			
69	Đường sản xuất Ma Lý đi suối Đá, xã Khánh Thành	Xã Khánh Thành	2025		994	994			
70	Đường từ rẫy ông Cao Là Hiên đến giáp đường Mè Tây, xã Khánh Trung	Xã Khánh Trung	2025		1.000	1.000			
71	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Lương Văn Mèn đến rẫy ông Cao Văn Gương	Xã Khánh Trung	2025		1.000	1.000			
72	Kè chống sạt lở từ nhà ông Hà Giáp đến nhà ông Hà Ri	Xã Cầu Bà	2025		1.200	1.200			
73	Đường vào khu sản xuất Đá Bàn từ rẫy ông Hà Lanh đến rẫy Hà Xuyên, xã Cầu Bà	Xã Cầu Bà	2025		1.090	1.090			
74	Nối tiếp tuyến đường A Quây Thủy vào đồng ruộng, xã Khánh Thượng	Xã Khánh Thượng	2025		1.000	1.000			
75	Đường từ đất ông Cao Xuân Dừa đến đất Nguyễn Đại Hà, xã Khánh Nam	Xã Khánh Nam	2025		1.500	1.500			

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Số lượng	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	Trong đó:	
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
76	Nối tiếp tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Bích Phượng vào khu sản xuất Sông Chò, xã Khánh Hiệp	Xã Khánh Hiệp	2025		850	850			
77	Tuyến H16 Từ TL8B (đổi diện đất ông Tý) đến H8 (H16)	Xã Khánh Hiệp	2025		850	850			
78	Đường nối C19 đi Suối Cù thôn Ngã Hai, xã Khánh Phú	Xã Khánh Phú	2025		880	880			
79	Bê tông hóa đường Cao Thiệp đi Cao Cà Địa	Xã Khánh Phú	2025		880	880			
80	Xây dựng đường sản xuất từ tỉnh lộ 8 đến nhà ông Cao Văn Phương	Xã Khánh Bình	2025		1.000	1.000			
81	Xây dựng đường từ rẫy ông Cao Văn Thanh đến rẫy ông Cao Sơn Dục, xã Khánh Bình	Xã Khánh Bình	2025		1.200	1.200			
82	Trường Tiểu học Khánh Trung (Điểm Bắc Sông Giang). Hạng mục: Xây dựng công, tường rào, sân, nhà xe	Xã Khánh Trung	2025		950	950			
83	Trường Mầm non Hoa Hồng (Điểm Tà Mơ); Hạng mục: Xây dựng công, tường rào, sân, san nền cục bộ	Xã Khánh Thành	2025		1.200	1.200			
84	Trường Mầm non Hoa Mai (Điểm Đa Râm). Hạng mục: Xây dựng công, tường rào, sân	Xã Khánh Thượng	2025		950	950			
85	Nâng cấp đường vào khu sản xuất Đá Trắng, xã Cầu Bà	Xã Cầu Bà	2025		1.200	1.200			
86	Đường từ đất rẫy ông Hà Đa đến rẫy ông Cao Trung	Thôn Bầu Sang, xã Liên Sang	2025		1.100	1.100			
87	Nâng cấp, Sửa chữa Đường BTXM Suối Tre đến Hồ Thủy Lợi	Xã Liên Sang	2025		1.200	1.200			
88	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Mà Nghi đến rẫy ông Cao Cà Ma	Thôn Bồ Lang, xã Sơn Thái	2025		1.100	1.100			
89	Tuyến H17 từ điểm giữa T6 (đất nhà ông Y Hanh) đến chân đồi Chí Tôn (H17), xã Khánh Hiệp	Xã Khánh Hiệp	2025		1.200	1.200			
90	Đường vào khu sản xuất suối Là Bó (từ đất rẫy ông A Chá đến đất ông Cao Ty), xã Liên Sang	Xã Liên Sang	2025		1.200	1.200			
2.2	<b>Huyện Khánh Sơn</b>				<b>78.570</b>	<b>74.949</b>	<b>3.621</b>	<b>2.999</b>	<b>622</b>
2.2.1	<i>Đầu tư đường liên xã</i>				2.570	2.570			
	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Sơn Trung đi Ba Cùm Bắc	Xã Sơn Trung - xã Ba Cùm Bắc	2023		2.570	2.570			
2.2.2	<i>Đầu tư cơ sở hạ tầng xã ĐBKK, thôn ĐBKK</i>				76.000	72.379	3.621	2.999	622
1	Đường BTXM thôn Apa 1 đi khu sản xuất	Xã Thành Sơn	2022		1.000	1.000			
2	Nối tiếp Đường BTXM từ nhà cộng đồng Apa 1 đi khu sản xuất	Xã Thành Sơn	2022		1.000	1.000			

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Số lượng	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	Trong đó:	
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
3	Nâng cấp đường BTXM thôn Ha Hít, xã Sơn Lâm (Đoạn từ nhà ông Võ Tiên Hoàng đến nhà ông Tài)	Xã Sơn Lâm	2022		1.000	1.000			
4	Nâng cấp, mở rộng trục đường chính thôn Du Oai, xã Sơn Lâm (Đoạn từ nhà ông Tú đến nhà ông Cao Đình)	Xã Sơn Lâm	2022		1.000	1.000			
5	Sửa chữa phòng học trường mầm non Vành Khuyên	Xã Sơn Bình	2022		1.000	1.000			
6	Mở rộng và nâng cấp đường từ Tỉnh lộ 9 đến cầu Xóm 9	Xã Sơn Bình	2022		1.000	1.000			
7	Nối tiếp đường BTXM đoạn từ rẫy ông Bình đến đất ông Nghịch	Xã Sơn Hiệp	2022		2.000	2.000			
8	Làm đường BTXM vào khu sản xuất nghĩa địa thôn Chi Chay	Xã Sơn Trung	2022		1.000	1.000			
9	Làm đường BTXM từ bãi rác đến rẫy ông Tùng thôn Ma O xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2022		1.000	1.000			
10	Nối tiếp đườn BTXM khu 21 hộ đến trần Ông Lũng	Thị trấn Tô Hạp	2022		800		800	560	240
11	Đường BTXM từ Bia khảo cổ Dốc Gạo vào khu sản xuất, dân sinh	Thị trấn Tô Hạp	2022		1.200	1.200			
12	Nối tiếp từ suối Lò Ô đi khu sản xuất xóm 4 thôn Dốc Trầu	Xã Ba Cùm Bắc	2022		1.000	1.000			
13	Nối tiếp tuyến đường từ xóm 14 đi khu sản xuất thôn A Thi, xã Ba Cùm Bắc	Xã Ba Cùm Bắc	2022		1.000	1.000			
14	Nâng cấp đường BTXM từ rẫy ông Dũng Bút đến ngã ba thôn Hòn Gầm	Xã Ba Cùm Nam	2022		1.000	951	49	49	
15	Kè chống sạt lở thôn Tà Giang 1	Xã Thành Sơn	2022-2023		2.000	726	1.274	892	382
16	Xây dựng tường rào, nhà vệ sinh, sân bóng đá mini cỏ nhân tạo	Xã Thành Sơn	2023		3.000	3.000			
17	Nâng cấp, mở rộng bên phải và bên trái cầu Ko Róa mới vào khu sản xuất xã Sơn Lâm	Xã Sơn Lâm	2023		2.000	2.000			
18	Nâng cấp đường từ thôn Xà Bối đi thôn Tà Gụ	Xã Sơn Hiệp	2023		2.000	2.000			
19	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao xã Sơn Hiệp	Xã Sơn Hiệp	2023		3.000	3.000			
20	Nối tiếp đường BTXM đi khu sản xuất Suối Hai, thôn Ka Tơ	Xã Ba Cùm Nam	2023		1.000	1.000			
21	Nối tiếp đường BTXM từ Suối Me đi khu sản xuất Suối Lau	Xã Ba Cùm Nam	2023		1.000	1.000			
22	Xây dựng tuyến đường từ tỉnh lộ 9 đi khu sản xuất thôn Tha Mang	Xã Ba Cùm Bắc	2023		1.000	1.000			
23	Xây dựng tuyến đường nối tiếp từ hồ nước nhà ông Bang đi khu sản xuất xóm 10 thôn Tha Mang	Xã Ba Cùm Bắc	2023		1.000	1.000			
24	Sân thể thao Nhà cộng đồng thôn A Thi, xã Ba Cùm Bắc	Xã Ba Cùm Bắc	2023		2.000	2.000			
25	Nối tiếp đường BTXM vào khu sản xuất thôn Chi Chay xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2023		1.000	1.000			
26	Đường BTXM vào KSX nghĩa địa thôn Chi Chay	Xã Sơn Trung	2023		1.000	1.000			
27	Nối tiếp đường BTXM vào KSX TDP Hạp Cường	Thị trấn Tô Hạp	2023		1.500	1.500			
28	Đường BTXM đi KSX và dân sinh TDP Hạp Phú	Thị trấn Tô Hạp	2023		500	500			

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Số lượng	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	Trong đó:	
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
29	Xây dựng nhà cộng đồng thôn Dốc Gạo, thị trấn Tô Hạp	Thị trấn Tô Hạp	2023		1.600	1.600			
30	Kè chống sạt lở từ đất bà Mầu Thị Bầy đến đất ông Cao Hồng Xuyên	Xã Sơn Bình	2023		1.000	1.000			
31	Nối tiếp đường BTXM đường vào đồng ruộng Xóm Cò đến Cầu Suối Sóc	Xã Sơn Bình	2023		1.000	1.000			
32	Đường BTXM từ nhà bà Cao Thị Khiển đi KSX thôn Tà Giang 1	Xã Thành Sơn	2024		2.000	2.000			
33	Nâng cấp đường BTXM từ ngã 3 thôn Ko Róa đi ra suối xã Sơn Lâm	Xã Sơn Lâm	2024		2.000	2.000			
34	Đường từ rẫy ông Mai thôn Xà Bói đi thôn Hòn Dung, giai đoạn 2	Xã Sơn Hiệp	2024		2.000	2.000			
35	Nâng cấp tuyến đường từ nhà bà Cao Thị Yến đi khu sản xuất thôn A Thi	Xã Ba Cùm Bắc	2024		800	800			
36	Sân thể thao Nhà cộng đồng thôn Suối Đá, xã Ba Cùm Bắc	Xã Ba Cùm Bắc	2024		2.000	2.000			
37	Đường BTXM vào khu sản xuất Suối Đầu bò GD1	Xã Ba Cùm Nam	2024		2.000	2.000			
38	Nhà Văn hóa xã Ba Cùm Nam	Xã Ba Cùm Nam	2024		2.400	2.400			
39	Xây dựng Nhà vệ sinh khu thể thao thôn Suối Me	Xã Ba Cùm Nam	2024		1.200	1.200			
40	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM liên xã đến nhà ông Mầu Chuẩn (thôn Ma O) xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2024		1.000	1.000			
41	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM liên xã đến nhà ông Cao Huy đến Cao Địa (thôn Ma O) xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2024		1.000	1.000			
42	Nối tiếp đường BTXM đường vào đồng ruộng Xóm Cò đến khu sản xuất xóm 6	Xã Sơn Bình	2024		1.000	1.000			
43	Đường BTXM từ nhà VH thôn Xóm Cò đến nhà Cao Hùng	Xã Sơn Bình	2024		1.000	1.000			
44	Nâng cấp, cải tạo nhà cộng đồng thôn Tà Lương, thị trấn Tô hạp	Thị trấn Tô Hạp	2024		1.000	1.000			
45	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM vào khu 7 hộ thôn Dốc Gạo, thị trấn Tô hạp	Thị trấn Tô Hạp	2024		2.000	2.000			
46	Đường BTXM từ nhà ông Cao Trường B đi khu sản xuất thôn Apa 1, xã Thành Sơn	Xã Thành Sơn	2025		1.000	1.000			
47	Nối tiếp đường BTXM thôn Tà Giang 2 đi khu sản xuất tập đoàn 7	Xã Thành Sơn	2025		1.000	1.000			
48	Nâng cấp đường BTXM thôn Ha Nít, xã Sơn Lâm (đoạn từ rẫy ông Xá vào khu sản xuất)	Xã Sơn Lâm	2025		2.000	2.000			
49	Đường BTXM thôn Liên Hiệp	Xã Sơn Hiệp	2025		2.000	2.000			
50	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM xóm 8 thôn Ma O	Xã Sơn Trung	2025		1.000	1.000			
51	Đường BTXM vào KSX KNó (Thôn Chi Chay) xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2025		1.000	1.000			
52	Nối tiếp đường BTXM từ Suối Me đi khu sản xuất Suối Lau	Xã Ba Cùm Nam	2025		2.000	2.000			
53	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Mầu Nhân đến đất Mầu Quốc Dân	Xã Sơn Bình	2025		1.000	1.000			
54	Đường BTXM từ nhà ông Huệ đi khu sản xuất thôn Cò lặc	Xã Sơn Bình	2025		1.000	1.000			

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Số lượng	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	Trong đó:	
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
55	Đường BTXM nối thôn tà Lương với thôn Dốc Gạo, thị trấn Tô Hạp	Thị trấn Tô Hạp	2025		2.000	502	1.498	1.498	
<b>2.3</b>	<b>Huyện Cam Lâm</b>				<b>22.969</b>	<b>20.001</b>	<b>2.968</b>	<b>2.100</b>	<b>868</b>
2.3.1	Đường đến trung tâm xã				9.212	8.010	1.202	841	361
	Đường giao thông từ huyện đến trung tâm xã Sơn Tân (đoạn đường từ xã Cam Tân Sơn Tân)	Xã Sơn Tân	2022-2023		9.212	8.010	1.202	841	361
2.3.2	Đầu tư xây dựng, cải tạo mạng lưới chợ				757	757			
	Nâng cấp chợ Tân Lập xã Cam Phước Tây	Xã Cam Phước Tây	2025		757	757			
2.3.3	Đầu tư cơ sở hạ tầng xã ĐBK, thôn ĐBK				13.000	11.234	1.766	1.259	507
1	Nâng cấp đường từ rẫy ông Xê vào khu sản xuất thôn Suối Cốc	Xã Sơn Tân	2022		1.000	1.000			
2	Sửa chữa đường từ nhà bà Năm ngã ba thôn VaLy đến nhà máy nước	Xã Sơn Tân	2022		1.000	1.000			
3	Cổng tường rào nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Suối Lau 3	Thôn Suối Lau 3, xã Suối Cát	2022		300	300			
4	Cổng tường rào nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Văn Sơn	Thôn Văn Sơn, xã Cam Phước Tây	2022		300	300			
5	Sửa chữa đường vào khu sản xuất thôn Suối Lau 3	Thôn Suối Lau 3, xã Suối Cát	2023		600	600			
6	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Valy	Xã Sơn Tân	2023		1.500	1.500			
7	Nâng cấp đường từ Ngã ba vào đến Cầu thôn Văn Sơn	Thôn Văn Sơn, xã Cam Phước Tây	2023		300	300			
8	Đường từ nhà bà Mầu Thị Cảnh đến nhà ông Cao Văn Hiếu	Thôn Văn Sơn, xã Cam Phước Tây	2023		300	300			
9	Cải tạo, nâng cấp nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Suối Cốc	Xã Sơn Tân	2023		1.500	1.500			
10	Sửa chữa đường nội bộ khu dân cư thôn Suối Cốc	Xã Sơn Tân	2024		1.000	1.000			
11	Sửa chữa đường từ Trung tâm văn hoá xã đến nhà máy nước	Xã Sơn Tân	2024		1.000	1.000			
12	Nâng cấp đường từ rẫy ông Xê vào khu sản xuất thôn Suối Cốc nối dài	Xã Sơn Tân	2024		1.000	1.000			
13	Sửa chữa đường từ nhà ông Cao Thanh Liễu đến nhà ông Cao Minh Quý	Thôn Suối Lau 3, xã Suối Cát	2024		600	600			
14	Đoạn đường từ nhà ông Bo Văn Tùng đến nhà ông Cao Văn Đầu	Thôn Văn Sơn, xã Cam Phước Tây	2025		600	600			
15	Nâng cấp đường từ nhà máy nước đến khu sản xuất thôn VaLy nối dài	Xã Sơn Tân	2025		1.000	234	766	766	
16	Sửa chữa đường từ nhà bà Năm ngã ba thôn VaLy đến nhà máy nước nối dài	Xã Sơn Tân	2025		1.000		1.000	493	507

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Số lượng	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	Trong đó:	
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2.4	<b>Huyện Diên Khánh</b>				<b>2.832</b>	<b>2.462</b>	<b>370</b>	<b>259</b>	<b>111</b>
	<i>Đầu tư cơ sở hạ tầng thôn ĐBK</i>				2.832	2.462	370	259	111
1	Đường vào khu sản xuất xã Diên Tân (đoạn tiếp giáp với khu san ủi đồng ruộng đến hạ lưu hồ Láng Nhớt.)	Thôn Đá Mài, xã Diên Tân	2022-2023		1.200	1.043	157	110	47
2	Đường vào đồng ruộng thôn Lỗ Gia (giai đoạn 2)	Thôn Lỗ Gia, xã Suối Tiên	2023		300	300			
3	Lắp đặt ống cấp nước tưới cho vùng ruộng 4,3 ha thôn Đá Mài	Thôn Đá Mài, xã Diên Tân	2023		300	300			
4	Kênh mương tiêu đồng ruộng Lô Rông - đoạn 3	Thôn Lỗ Gia, xã Suối Tiên	2024		300	300			
5	Nâng cấp, sửa chữa kênh tưới đồng ruộng dân tộc (vùng ruộng ông Kinh, ông Tý)	Thôn Lỗ Gia, xã Suối Tiên	2024		300	300			
6	Nâng cấp sửa chữa đường thôn Lỗ Gia (đoạn từ cây da đến nhà ông Cao Đàm)	Thôn Lỗ Gia, xã Suối Tiên	2025		432	219	213	149	64
2.5	<b>Thị xã Ninh Hòa</b>				<b>9.155</b>	<b>7.961</b>	<b>1.194</b>	<b>835</b>	<b>359</b>
2.5.1	<i>Đầu tư xây dựng, nâng cấp chợ</i>				4.897	4.897			
1	Xây mới chợ thôn Suối Sâu	Xã Ninh Tân	2023		4.140	4.140			
2	Nâng cấp chợ thôn Trung 1	Xã Ninh Tân	2024		757	757			
2.5.2	<i>Đầu tư cơ sở hạ tầng thôn ĐBK</i>				4.258	3.064	1.194	835	359
1	Đường BTXM đi từ nhà ông Hải đi Suối Tre thôn Suối Mít, xã Ninh Tây	Thôn Suối Mít, xã Ninh Tây	2022		900	900			
2	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Cao Ta Gân đến cuối đường nhà ông Bàn Đức Thẳng thôn Sông Búng, xã Ninh Tây	Thôn Sông Búng, xã Ninh Tây	2022		450	450			
3	Xây dựng công tường rào, sân, nhà vệ sinh, hệ thống nước nhà sinh hoạt cộng đồng tại thôn Buôn Sim, xã Ninh Tây	Thôn Buôn Sim, xã Ninh Tây	2022-2023		450	225	225	158	67
4	Đường BTXM đi từ nhà ông Cao Đất đi Suối Chinh thôn Suối Mít, xã Ninh Tây	Thôn Suối Mít, xã Ninh Tây	2023		600	600			
5	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Cao Thần đến nhà ông Cao Văn Á thôn Sông Búng, xã Ninh Tây	Thôn Sông Búng, xã Ninh Tây	2024		450	450			
6	Đường BTXM từ nhà ông Cao Thần đến Phan Đức Công	Thôn Sông Búng, xã Ninh Tây	2024		600	439	161	161	

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Số lượng	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	Trong đó:	
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
7	Đường BTXM từ nhà bà Lương Thị Hồng Thắm đến nhà ông Nguyễn Dòn	Thôn Buôn Sím, xã Ninh Tây	2025		808		808	516	292
2.6	<b>Thành phố Cam Ranh</b>				<b>757</b>	<b>657</b>	<b>100</b>	<b>70</b>	<b>30</b>
	Nâng cấp chợ xã Cam Phước Đông	Xã C.Phước Đông	2023		757	657	100	70	30
3	<i>Chưa phân bổ</i>				<b>26.485</b>	<b>5.300</b>	<b>21.185</b>	<b>14.346</b>	<b>6.839</b>
III	<b>Dự án 5 - Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh</b>				<b>40.791</b>	<b>35.471</b>	<b>5.320</b>	<b>4.752</b>	<b>568</b>
1	<b>Phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo</b>				<b>15.876</b>	<b>13.805</b>	<b>2.071</b>	<b>2.071</b>	
	<i>Dự án đầu tư Trường phổ thông DTNT tỉnh</i>				<b>15.876</b>	<b>13.805</b>	<b>2.071</b>	<b>2.071</b>	
	- Bổ sung, nâng cấp, cải tạo sửa chữa phòng học và phòng bộ môn				6.808	5.920	888	888	
	- Bổ sung, nâng cấp nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc				1.087	945	142	142	
	- Bổ sung, nâng cấp sửa chữa khu nội trú cho học sinh				5.236	4.554	682	682	
	- Bổ sung phòng công vụ cho giáo viên				175	152	23	23	
	- Nâng cấp, sửa chữa nhà ăn + nhà bếp				698	607	91	91	
	- Nâng cấp sửa chữa công trình vệ sinh, nước sạch				1.087	945	142	142	
	- Nâng cấp sửa chữa nhà kho				543	472	71	71	
	- Nâng cấp sửa chữa các công trình phụ trợ khác				242	210	32	32	
2	<b>Phân bổ cho các địa phương</b>				<b>24.915</b>	<b>21.666</b>	<b>3.249</b>	<b>2.681</b>	<b>568</b>
2.1	<b>Huyện Khánh Vĩnh</b>								
	<i>Dự án đầu tư Trường phổ thông DTNT huyện Khánh Vĩnh</i>				<b>9.340</b>	<b>8.122</b>	<b>1.218</b>	<b>1.218</b>	
	- Bổ sung, nâng cấp, cải tạo sửa chữa phòng học và phòng bộ môn				8.622	7.498	1.124	1.124	
	- Bổ sung phòng công vụ cho giáo viên				175	152	23	23	
	- Nâng cấp sửa chữa công trình vệ sinh, nước sạch				543	472	71	71	
2.2	<b>Huyện Khánh Sơn</b>								
	<i>Dự án đầu tư Trường phổ thông DTNT huyện Khánh Sơn</i>				<b>1.048</b>	<b>911</b>	<b>137</b>	<b>137</b>	
	- Bổ sung phòng ở nội trú				1.048	911	137	137	
2.3	<b>Thành phố Cam Ranh</b>								
	<i>Dự án đầu tư Trường phổ thông DTNT thành phố Cam Ranh</i>				<b>14.527</b>	<b>12.633</b>	<b>1.894</b>	<b>1.326</b>	<b>568</b>
	- Bổ sung phòng bộ môn				2.725	2.370	355	249	106
	- Nâng cấp khu nội trú				9.077	7.894	1.183	828	355



S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Số lượng	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	Trong đó:	
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS & MN		2021-2025		679	590	89	62	27
	- Xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS	Xã Cam Phước Đông	2024		476	414	62	43	19
V	Dự án 10 - Tiểu dự án: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển KT-XH và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN				10.791	9.383	1.408	1.093	315
	Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng CNTT tại UBND cấp xã để phục vụ phát triển KTXH và đảm bảo an ninh trật tự	Xã, thôn ĐBK		20 xã, 10 thôn	10.791	9.383	1.408	1.093	315
1	Phân bổ cho các sở, ngành (25%)				2.698	2.346	352	352	
2	Phân bổ cho các địa phương				8.093	7.037	1.056	741	315
	- Huyện Khánh Vĩnh		2022-2025	11 xã, 3 thôn	4.434	3.856	578	405	173
	- Huyện Khánh Sơn		2022-2025	8 xã	3.211	2.792	419	293	126
	- Huyện Cam Lâm		2022-2025	1 xã, 2 thôn	414	360	54	38	16
	- Huyện Diên Khánh		2022-2025	2 thôn	14	12	2	2	
	- Thị xã Ninh Hòa		2022-2025	3 thôn	20	17	3	3	

**Phụ lục IV**  
**DỰ KIẾN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**  
**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**  
**GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025 TỈNH KHÁNH HÒA**

DVT: Triệu đồng

S T T	ĐƠN VỊ	Tổng vốn ĐTPT 2021-2025	DỰ ÁN 1					DỰ ÁN 4					DỰ ÁN 5	DỰ ÁN 6					DỰ ÁN 10
			Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống vùng đồng bào DTTS&MN						Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch					
			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó				
Đất ở	Nhà ở	Đất sản xuất		Nước sinh hoạt tập trung	Xây mới, nâng cấp cải tạo trạm y tế xã ĐBKK	Đầu tư CSHT xã, thôn ĐBKK	Đầu tư nâng cấp đường đến trung tâm xã, đường liên xã		Xây dựng, cải tạo mạng lưới chợ	Xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao	Xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng DTTS	Đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS	Xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái vùng DTTS						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>388.378</b>	<b>29.738</b>	<b>414</b>	<b>16.882</b>	<b>3.726</b>	<b>8.716</b>	<b>267.964</b>	<b>18.122</b>	<b>225.525</b>	<b>13.752</b>	<b>10.565</b>	<b>40.791</b>	<b>39.094</b>	<b>11.273</b>	<b>1.428</b>	<b>12.219</b>	<b>12.219</b>	<b>10.79</b>
	Ngân sách trung ương	337.720	25.859	360	14.680	3.240	7.579	233.012	15.758	194.239	12.550	10.465	35.471	33.995	9.801	1.242	10.626	10.626	9.38
	Ngân sách tỉnh	37.385	2.716	37	1.542	341	796	25.178	2.364	21.903	841	70	4.752	3.646	1.030	129	1.116	1.116	1.09
	Ngân sách huyện	13.273	1.163	17	660	145	341	9.774		9.383	361	30	568	1.453	442	57	477	477	31
<b>I</b>	<b>CÁC SỞ, BAN, NGÀNH</b>	<b>38.651</b>						<b>18.122</b>	<b>18.122</b>				<b>15.876</b>	<b>1.955</b>					<b>2.69</b>
	- Ngân sách trung ương	33.609						15.758	15.758				13.805	1.700					2.34
	- Ngân sách tỉnh	5.042						2.364	2.364				2.071	255					35
<b>II</b>	<b>CÁC ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>323.242</b>	<b>29.738</b>	<b>414</b>	<b>16.882</b>	<b>3.726</b>	<b>8.716</b>	<b>223.357</b>		<b>199.040</b>	<b>13.752</b>	<b>10.565</b>	<b>24.915</b>	<b>37.139</b>	<b>11.273</b>	<b>1.428</b>	<b>12.219</b>	<b>12.219</b>	<b>8.09</b>
<b>1</b>	<b>Huyện Khánh Vĩnh</b>	<b>133.580,5</b>	<b>10.732,5</b>		<b>3.956</b>	<b>2.871,5</b>	<b>3.905</b>	<b>109.074</b>		<b>102.950</b>	<b>1.970</b>	<b>4.154</b>	<b>9.340</b>	<b>13.240</b>	<b>4.618</b>	<b>476</b>	<b>4.073</b>	<b>4.073</b>	<b>4.434</b>
	- Ngân sách trung ương	127.234,5	9.332,5		3.440	2.497,5	3.395	105.924		99.800	1.970	4.154	8.122	11.513	4.015	414	3.542	3.542	3.85
	- Ngân sách tỉnh	4.808	980		361	262	357	2.205		2.205			1.218	1.209	422	43	372	372	40
	- Ngân sách huyện	1.538	420		155	112	153	945		945				518	181	19	159	159	17
<b>2</b>	<b>Huyện Khánh Sơn</b>	<b>94.079</b>	<b>11.250</b>		<b>8.924</b>		<b>2.326</b>	<b>78.570</b>		<b>76.000</b>	<b>2.570</b>		<b>1.048</b>	<b>12.560</b>	<b>3.938</b>	<b>476</b>	<b>4.073</b>	<b>4.073</b>	<b>3.211</b>
	- Ngân sách trung ương	88.435	9.783		7.760		2.023	74.949		72.379	2.570		911	10.922	3.424	414	3.542	3.542	2.79
	- Ngân sách tỉnh	4.456	1.027		815		212	2.999		2.999			137	1.147	360	43	372	372	29
	- Ngân sách huyện	1.188	440		349		91	622		622				491	154	19	159	159	12
<b>3</b>	<b>Huyện Cam Lâm</b>	<b>25.623</b>	<b>2.240</b>	<b>230</b>	<b>920</b>	<b>207</b>	<b>883</b>	<b>22.969</b>		<b>13.000</b>	<b>9.212</b>	<b>757</b>		<b>815</b>	<b>815</b>				<b>414</b>
	- Ngân sách trung ương	22.309	1.948	200	800	180	768	20.001		11.234	8.010	757		709	709				36



## Phụ lục V

## PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2022

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO  
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025  
TỈNH KHÁNH HÒA

ĐVT: Triệu đồng

S T T	NỘI DUNG	Số lượng	Vốn sự nghiệp năm 2022				
			Tổng vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương (đổi ứng 15%)		
					Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>44.983</b>	<b>39.116</b>	<b>5.867</b>	<b>4.330,5</b>	<b>1.536,5</b>
<b>I</b>	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>		<b>1.534</b>	<b>1.334</b>	<b>200</b>	<b>140</b>	<b>60</b>
<b>1</b>	<b>Phân bổ cho các sở, ban, ngành</b>						
<b>2</b>	<b>Phân bổ cho các địa phương</b>		<b>1.534</b>	<b>1.334</b>	<b>200</b>	<b>140</b>	<b>60</b>
	<i>Huyện Khánh Sơn</i>		<i>1.534</i>	<i>1.334</i>	<i>200</i>	<i>140</i>	<i>60</i>
	- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	511 hộ	1.534	1.334	200	140	60
<b>II</b>	<b>Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị</b>		<b>16.199</b>	<b>14.086</b>	<b>2.113</b>	<b>1.505</b>	<b>608</b>
<b>1</b>	<b>Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân</b>		<b>8.883</b>	<b>7.724</b>	<b>1.159</b>	<b>811</b>	<b>348</b>
<b>1.1</b>	<b>Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng</b>		<b>8.232</b>	<b>7.158</b>	<b>1.074</b>	<b>751</b>	<b>323</b>
1.1.1	Phân bổ cho các sở, ngành						
1.1.2	Phân bổ cho các địa phương		8.232	7.158	1.074	751	323
	- Huyện Khánh Vĩnh	4.245,7 ha	1.630	1.417	213	149	64
	- Huyện Khánh Sơn	11.166 ha	4.284	3.725	559	391	168
	- Huyện Cam Lâm	3.042,3 ha	1.167	1.015	152	106	46
	- Thị xã Ninh Hòa	3.000 ha	1.151	1.001	150	105	45
<b>1.2</b>	<b>Hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh</b>		<b>651</b>	<b>566</b>	<b>85</b>	<b>60</b>	<b>25</b>
1.2.1	Phân bổ cho các sở, ngành						
1.2.2	Phân bổ cho các địa phương		651	566	85	60	25
	- Huyện Khánh Vĩnh	120 ha	184	160	24	17	7
	- Huyện Khánh Sơn	130 ha	200	174	26	18	8
	- Huyện Cam Lâm	174 ha	267	232	35	25	10
<b>1.2</b>	<b>Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&amp;MN</b>		<b>7.316</b>	<b>6.362</b>	<b>954</b>	<b>694</b>	<b>260</b>
1.2.1	Phân bổ cho các sở, ngành (9%)		<b>658</b>	<b>572</b>	<b>86</b>	<b>86</b>	
1.2.2	Phân bổ cho các địa phương		<b>6.658</b>	<b>5.790</b>	<b>868</b>	<b>608</b>	<b>260</b>
	- Huyện Khánh Vĩnh	11 xã và 3 thôn ĐBKK	3.494	3.038	456	319	137
	- Huyện Khánh Sơn	8 xã ĐBKK	2.449	2.130	319	223	96
	- Huyện Cam Lâm	1 xã và 2 thôn ĐBKK	448	390	58	41	17
	- Huyện Diên Khánh	2 thôn ĐBKK	107	93	14	10	4
	- Thị xã Ninh Hòa	3 thôn ĐBKK	160	139	21	15	6
<b>III</b>	<b>Dự án 4 - Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống trong vùng đồng bào DTTS</b>		<b>2.808</b>	<b>2.442</b>	<b>366</b>	<b>275</b>	<b>91</b>
<b>1</b>	<b>Mua sắm trang thiết bị trạm y tế xã</b>		<b>500</b>	<b>435</b>	<b>65</b>	<b>65</b>	

S T T	NỘI DUNG	Số lượng	Vốn sự nghiệp năm 2022				
			Tổng vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương (đổi ứng 15%)		
					Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8
	Phân bổ cho Sở Y tế		500	435	65	65	
2	<b>Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng xã ĐBKk, thôn ĐBKk và công trình CSHT các xã, thôn đã đầu tư giai đoạn trước</b>		2.308	2.007	301	210	91
	Phân bổ cho các địa phương		2.308	2.007	301	210	91
	- Huyện Khánh Vĩnh		1.187	1.032	155	108	47
	- Huyện Khánh Sơn		806	701	105	74	31
	- Huyện Cam Lâm		171	149	22	15	7
	- Huyện Diên Khánh		36	31	5	4	2
	- Thị xã Ninh Hòa		72	63	9	6	3
	- Thành phố Cam Ranh		36	31	5	4	2
IV	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>		8.432	7.332	1.100	872	228
1	<b>Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông dân tộc nội trú</b>		1.438	1.250	188	166	22
	<b>Mua sắm trang thiết bị Trường phổ thông DTNT</b>						
1.1	Phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo mua sắm trang thiết bị Trường phổ thông DTNT tỉnh		575	500	75	75	
1.2	Phân bổ cho các địa phương mua sắm trang thiết bị Trường phổ thông DTNT huyện		863	750	113	91	22
	- Huyện Khánh Vĩnh		288	250	38	38	
	- Thành phố Cam Ranh		575	500	75	53	22
2	<b>Bồi dưỡng kiến thức dân tộc</b>		966	840	126	126	
	- Ban Dân tộc: Bồi dưỡng Kiến thức dân tộc		483	420	63	63	
	- Sở Giáo dục và Đào tạo: Bồi dưỡng tiếng DTTS		483	420	63	63	
3	<b>Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng DTTS&amp;MN</b>		4.395	3.822	573	418	155
3.1	Phân bổ cho Sở LĐTBXH (10%)		439	382	57	57	
3.2	Phân bổ cho các địa phương		3.956	3.440	516	361	155
	- Huyện Khánh Vĩnh		1.470	1.278	192	134	58
	- Huyện Khánh Sơn		1.572	1.367	205	144	61
	- Huyện Cam Lâm		516	449	67	47	20
	- Thành phố Cam Ranh		398	346	52	36	16
4	<b>Đào tạo, nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình</b>		1.633	1.420	213	162	51
4.1	Phân bổ cho Ban Dân tộc (20%)		327	284	43	43	
4.2	Phân bổ cho các địa phương		1.306	1.136	170	119	51
	- Huyện Khánh Vĩnh		703	611	92	64	28
	- Huyện Khánh Sơn		498	433	65	45	20
	- Huyện Cam Lâm		75	65	10	7	3
	- Huyện Diên Khánh		12	11	1	1	
	- Thị xã Ninh Hòa		18	16	2	2	
V	<b>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch</b>		1.305	1.135	170	129	41
1	<b>Phân bổ cho các sở, ngành (20%)</b>		261	227	34	34	
2	<b>Phân bổ cho các địa phương</b>		1.044	908	136	95	41
2.1	Mua sắm trang thiết bị nhà sinh hoạt cộng đồng thôn		350	304	46	32	14
	- Huyện Khánh Vĩnh	7 thôn	244	212	32	22	10

S T T	NỘI DUNG	Số lượng	Vốn sự nghiệp năm 2022				
			Tổng vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương (đổi ứng 15%)		
					Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8
	- Huyện Khánh Sơn	3 thôn	106	92	14	10	4
2.2	Hỗ trợ hoạt động đội văn nghệ tại các thôn vùng DTTS&MN		521	454	67	47	20
	- Huyện Khánh Vĩnh	5 đội	289	252	37	26	11
	- Huyện Khánh Sơn	3 đội	174	152	22	15	7
	- Huyện Cam Lâm	1 đội	58	50	8	6	2
2.3	Xây dựng tủ sách cộng đồng các xã vùng DTTS&MN		173	150	23	16	7
	- Huyện Khánh Vĩnh	2 xã	69	60	9	6	3
	- Huyện Khánh Sơn	2 xã	69	60	9	6	3
	- Huyện Cam Lâm	1 xã	35	30	5	4	1
VI	<b>Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em</b>		<b>1.141</b>	<b>992</b>	<b>149</b>	<b>108,5</b>	<b>40,5</b>
	<i>Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS&amp;MN; chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em</i>						
1	Phân bổ cho Sở Y tế (10%)		114	99	15	15	
2	Phân bổ cho các địa phương		1.027	893	134,0	93,5	40,5
	- Huyện Khánh Vĩnh	13 xã	538	468	70	49	21
	- Huyện Khánh Sơn	8 xã	353	307	46	32	14
	- Huyện Cam Lâm	3 xã	70	61	9	6	3
	- Thị xã Ninh Hòa	2 xã	40	35	5,0	3,5	1,5
	- Thành phố Cam Ranh	2 xã	26	22	4	3	1
VII	<b>Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em</b>		<b>2.665</b>	<b>2.317</b>	<b>348</b>	<b>256</b>	<b>92</b>
1	Phân bổ cho Hội LHPN tỉnh (12%)		320	278	42	42	
2	Phân bổ cho các địa phương		2.345	2.039	306	214	92
	- Huyện Khánh Vĩnh	11 xã, 3 thôn ĐBKK	1.236	1.075	161	113	48
	- Huyện Khánh Sơn	8 xã ĐBKK	852	741	111	78	33
	- Huyện Cam Lâm	1 xã, 2 thôn ĐBKK	150	130	20	14	6
	- Huyện Diên Khánh	2 thôn ĐBKK	43	37	6	4	2
	- Thị xã Ninh Hòa	3 thôn ĐBKK	64	56	8	6	2
VIII	<b>Dự án 9: Đầu tư phát triển dân tộc còn nhiều khó khăn</b>		<b>9.448</b>	<b>8.216</b>	<b>1.232</b>	<b>872</b>	<b>360</b>
1	<b>Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế dân tộc còn nhiều khó khăn</b>		<b>8.600</b>	<b>7.478</b>	<b>1.122</b>	<b>789</b>	<b>333</b>
1.1	Phân bổ cho Ban Dân tộc (1%)		86	75	11	11	
1.2	Phân bổ cho các địa phương		8.514	7.403	1.111	778	333
	- Huyện Khánh Vĩnh	2.865 hộ	4.478	3.894	584	409	175
	- Huyện Khánh Sơn	2.208 hộ	3.451	3.001	450	315	135
	- Huyện Cam Lâm	183 hộ	287	249	38	27	11
	- Huyện Diên Khánh	73 hộ	114	99	15	10	5
	- Thị xã Ninh Hòa	118 hộ	184	160	24	17	7
2	<b>Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&amp;MN</b>		<b>848</b>	<b>738</b>	<b>110</b>	<b>83</b>	<b>27</b>
2.1	Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc (16%)		135	118	17	17	
2.2	Phân bổ cho các địa phương		713	620	93	66	27
	- Huyện Khánh Vĩnh	13 xã	137	119	18	13	5

S T T	NỘI DUNG	Số lượng	Vốn sự nghiệp năm 2022				
			Tổng vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương (đổi ứng 15%)		
					Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8
	- Huyện Khánh Sơn	8 xã	165	144	21	15	6
	- Huyện Cam Lâm	3 xã	107	93	14	10	4
	- Thị xã Ninh Hòa	2 xã	167	145	22	15	7
	- Thành phố Cam Ranh	2 xã	137	119	18	13	5
IX	<b>Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền vận động trong vùng đồng bào DTTS&amp;M; kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình</b>		<b>1.451</b>	<b>1.262</b>	<b>189</b>	<b>173</b>	<b>16</b>
1	<i>Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&amp;MN giai đoạn 2021 - 2030</i>		834	725	109	98	11
1.1	Phân bổ cho các sở, ngành (67%)		559	486	73	73	
1.2	Phân bổ cho các địa phương		275	239	36	25	11
	- Huyện Khánh Vĩnh	13 xã	127	111	16	11	5
	- Huyện Khánh Sơn	8 xã	78	68	10	7	3
	- Huyện Cam Lâm	3 xã	30	26	4	3	1
	- Thị xã Ninh Hòa	2 xã	20	17	3	2	1
	- Thành phố Cam Ranh	2 xã	20	17	3	2	1
2	<i>Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS &amp; MN</i>		269	234	35	35	
	Chưa phân bổ		269	234	35	35	
3	<i>Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình</i>		348	303	45	40	5
3.1	Phân bổ cho các sở, ngành (55%)		192	167	25	25	
3.2	Phân bổ cho các địa phương		156	136	20	15	5
	- Huyện Khánh Vĩnh	13 xã	72	63	9	6	3
	- Huyện Khánh Sơn	8 xã	45	39	6	4	2
	- Huyện Cam Lâm	3 xã	16	14	2	2	
	- Thị xã Ninh Hòa	2 xã	11,5	10	1,5	1,5	
	- Thành phố Cam Ranh	2 xã	11,5	10	1,5	1,5	

**Phụ lục VI**  
**PHÂN CÔNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, TIÊU DỰ ÁN,**  
**NỘI DUNG THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**  
**PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ**  
**VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HOÀ**

TT	NỘI DUNG	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp
1	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>	Ban Dân tộc	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Tài nguyên và Môi trường; Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội; các sở, ngành liên quan và UBND các huyện thị xã, thành phố
2	<b>Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị</b>		
2.1	Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện thị xã, thành phố; Ban Dân tộc và các sở, ngành liên quan
2.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng DTTS & MN	Ban Dân tộc	UBND các huyện thị xã, thành phố; Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội; Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành liên quan
3	<b>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>		
3.1	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu	Ban Dân tộc	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan
3.2	Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS & MN	Sở Công Thương	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành liên quan
4	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>		
4.1	Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các Trường phổ thông dân tộc nội trú	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các huyện thị xã, thành phố; Ban Dân tộc và các sở, ngành liên quan
4.2	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, tiếng dân tộc thiểu số		
	- Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	Ban Dân tộc	Sở Nội vụ; Sở Tài chính; các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố
	- Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số	Sở Giáo dục và Đào tạo	
4.3	Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng đồng bào DTTS & MN	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Ban Dân tộc và các sở, ngành liên quan

TT	NỘI DUNG	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp
4.4	Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp	Ban Dân tộc	Sở Tài chính và UBND các huyện, thị xã, thành phố
5	<b>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch</b>		
5.1	Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số	Sở Văn hóa và Thể thao	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành liên quan
5.2	Bảo tồn, phát huy lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số nhằm khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch		Sở Du lịch và các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố;
5.3	Hỗ trợ nghệ nhân người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành liên quan
5.4	Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể cho công chức văn hóa xã; nghệ nhân, trưởng thôn, người có uy tín, đối tượng không hưởng lương từ ngân sách Nhà nước		Sở Du lịch và các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.5	Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy văn hóa phi vật thể dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một (nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn tiếng nói và chữ viết của dân tộc Raglai);		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành liên quan
5.6	Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số		
5.7	Hỗ trợ xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
5.8	Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành liên quan
5.9	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS & MN	Sở Du lịch	Sở Văn hóa và Thể thao; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành liên quan
5.10	Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số cấp phát cho cộng đồng các DTTS	Sở Văn hóa và Thể thao	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành liên quan
5.11	Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số		
5.12	Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống,		

TT	NỘI DUNG	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp
	các trò chơi dân gian của các dân tộc thiểu số		
5.13	Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch các vùng đồng bào DTTS & MN kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào DTTS & MN	Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Du lịch	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành liên quan
5.14	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số		
5.15	Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
5.16	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Sở Văn hóa và Thể thao	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành liên quan
5.17	Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch		
6	<b>Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em</b>	Sở Y tế	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành liên quan
7	<b>Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em</b>	Hội LHPN tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; các sở, ngành liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố
8	<b>Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn</b>		
8.1	Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế - xã hội		
8.2	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS & MN	Ban Dân tộc	Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện, thị xã, thành phố
9	<b>Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS và miền núi. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình</b>		
9.1	Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS & MN		
	- Nội dung 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín	Ban Dân tộc	
	- Nội dung 2: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS	Ban Dân tộc; Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố
	- Nội dung 3: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS & MN	Sở Tư pháp	
9.2	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng		



TT	NỘI DUNG	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp
	đồng bào DTTS & MN		
	- Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình	Ban Dân tộc	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố
	- Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự	Sở Thông tin và Truyền thông	Ban Dân tộc; các sở, ngành, đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố
	- Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào DTTS & MN	Liên minh HTX	Ban Dân tộc; các sở, ngành, đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố
9.3	Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	Ban Dân tộc	Các sở, ngành, đơn vị chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình và UBND các huyện, thị xã, thành phố